

Số: **3078** /BC-TCT

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả triển khai Đề án 06 giai đoạn 2022 – 2025
và nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật... đã thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động của chính phủ, nâng cao quản lý, phát triển kinh tế và an sinh xã hội. Năm 2024, 71,5% quốc gia đạt mức chính phủ điện tử cao hoặc rất cao, tăng so với 68,9% năm 2022, cho thấy bước tiến vượt bậc. Đan Mạch, Estonia và Singapore hiện là những nước dẫn đầu nhờ hạ tầng số và dịch vụ công trực tuyến phát triển. Theo Báo cáo Liên Hợp Quốc 2024, Việt Nam đạt 0,7709 điểm EGDI và lần đầu tiên được xếp vào nhóm “cao”, đứng thứ 71/193 quốc gia, tăng 15 bậc so với 2022. Đây là vị trí cao nhất của Việt Nam tính từ năm 2003 và vượt trung bình toàn cầu, phản ánh rõ nỗ lực chuyển đổi số. Đồng thời, Việt Nam đứng thứ 5/11 Đông Nam Á, tiến gần hơn nhóm dẫn đầu khu vực.

Để đạt được bước tiến nêu trên, Đề án “*ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030*” (gọi tắt là *Đề án 06*) đóng vai trò quan trọng, từ nhận diện ra 05 nguyên tắc để triển khai thành công Đề án 06¹, với quyết tâm triển khai mạnh mẽ, quyết liệt hơn 3 năm qua, Đề án 06 đã khẳng định vai trò đầu tàu trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia, tạo nền tảng dữ liệu và tiện ích số phục vụ thiết thực người dân, doanh nghiệp. Những đóng góp của Đề án 06 không chỉ mang lại hiệu quả trước mắt mà còn góp phần định hình những định hướng chiến lược mà Nghị quyết số 57-NQ/TW đề ra cho thập kỷ tới: từ hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng, đến đào tạo nhân tài, hội nhập quốc tế về công nghệ. Giai đoạn 2026-2030 sẽ là giai đoạn bản lề để tăng tốc, đưa những nền tảng đã xây dựng từ Đề án 06 vươn lên tầm cao mới, thực sự lan tỏa sâu rộng trong mọi mặt đời sống, kinh tế,

¹ **5 nhóm vấn đề:** pháp lý, hạ tầng công nghệ, tạo lập dữ liệu, an ninh an toàn bảo mật và bố trí nguồn lực (kinh phí và con người); **04 xuyên suốt:** từ trung ương đến cấp tỉnh, huyện, xã; **3 giá trị:** văn minh xã hội, phát triển kinh tế và phòng chống tội phạm; **02 mục tiêu:** nhận thức đúng và giải pháp đúng; **01 quyết tâm:** người đứng đầu các đơn vị phải quyết tâm, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, được thể hiện bằng phương pháp chỉ đạo phân công “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thẩm quyền”, có kiểm tra giám sát, chỉ bàn làm, không bàn lùi.

quản trị đất nước.

Những kết quả nổi bật theo từng nhóm tiện ích như sau:

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI

1. Công tác tham mưu cho các cơ quan Đảng, Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể: Trên cơ sở thực tiễn qua kinh nghiệm triển khai và các kết quả của Đề án 06, Tổ Công tác Đề án 06, Bộ Công an đã báo cáo, tham mưu nhiều nội dung là tiền đề cho việc hoạch định các chủ trương lớn của Đảng về chuyển đổi số trong giai đoạn mới, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, đánh dấu bước phát triển từ chuyển đổi số trong khối hành chính nhà nước sang chuyển đổi số toàn diện trong Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, đồng bộ và toàn diện của Đảng trong lĩnh vực chuyển đổi số; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1637/NQ-UBTVQH15 ngày 13/5/2025 phê duyệt Đề án Chuyển đổi số của Quốc hội giai đoạn 2025-2030, là cơ sở để triển khai việc thực hiện chuyển đổi số của Quốc hội một cách bài bản, toàn diện, khoa học, hiệu quả, minh bạch hướng tới mục tiêu xây dựng Quốc hội điện tử, Quốc hội số, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Quá trình chuyển đổi số được định hướng theo hướng lấy người dân, đại biểu và cử tri làm trung tâm, phát huy tối đa hiệu quả của các nền tảng các cơ sở dữ liệu quốc gia và định danh và xác thực điện tử;

Triển khai đề án chuyển đổi số của Quốc hội, ngày 09 tháng 7 năm 2025, Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành Công văn số 03/HĐBCQG-CTĐB về việc phân công soạn thảo, ban hành các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Trong đó, định hướng ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử nhằm phục vụ cử tri, đại biểu trong quá trình bầu cử, đảm bảo minh bạch, hiệu quả, thuận tiện; Văn phòng Quốc hội đã chủ trì, phối hợp Bộ Công an xây dựng và ban hành Kế hoạch số 05/KH-VPQH, triển khai thí điểm lấy ý kiến nhân dân thông qua ứng dụng VNeID đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp để phát huy quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện thuận tiện, an toàn, công khai và minh bạch trên môi trường số.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, Bộ Công an và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Kế hoạch phối hợp số 267/KHPH-BCA-UBMTTQVN về xây dựng và triển khai Đề án Chuyển đổi số của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn đến 2035. Kế hoạch nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ của Đề án 06. Việc triển khai Kế hoạch 267 đã mang lại kết quả bước đầu quan trọng, cụ thể như: hạ tầng dữ liệu của Mặt trận được xây dựng và

kết nối bước đầu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; công tác quản lý, thống kê, theo dõi đối tượng đặc thù như hộ nghèo, người có uy tín, chức sắc tôn giáo được thực hiện chính xác, minh bạch hơn; năng lực cán bộ mặt trận trong ứng dụng công nghệ thông tin được nâng cao; hoạt động giám sát, phản biện xã hội từng bước được số hóa, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Bộ Công an và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin quốc gia

2. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt triển khai Đề án, cụ thể:

2.1. Ngay sau khi Đề án 06 được phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo ban hành Quyết định thành lập Tổ Công tác triển khai Đề án 06 do đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an là Tổ trưởng; đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an là Tổ phó Thường trực; đồng chí Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ là Tổ phó; đại diện lãnh đạo các bộ, ngành tham gia là thành viên Tổ công tác. Kiện toàn, bổ sung **05** đồng chí Bộ trưởng là thành viên Tổ công tác². Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (*Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 15/5/2025*), đồng thời thành lập 03 Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo, trong đó có Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (*Quyết định số 931/QĐ-TTg ngày 15/5/2025*).

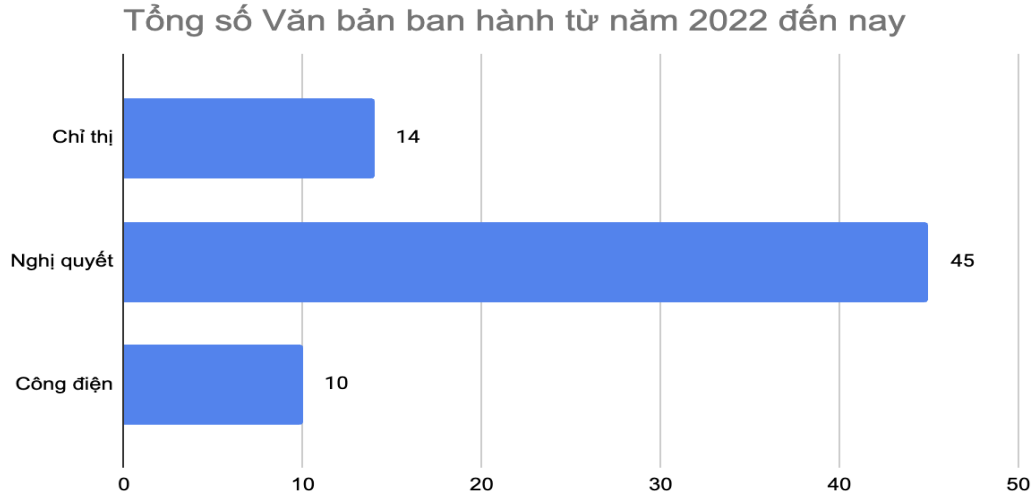
2.2. Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì **17** Hội nghị trực tuyến toàn quốc³, đưa nội dung, kết quả thực hiện Đề án 06 để xem xét, đánh giá tại các phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng từ 2022 đến nay. Trong hơn 3 năm triển khai, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành **14** Chỉ thị⁴, **45** Nghị quyết, **10** Công điện

² Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ), Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ.

³ Diễn hình là: (1) Hội nghị triển khai Đề án 06 ngày 18/01/2022. (2) Các hội nghị sơ kết định kỳ, quý, năm triển khai Đề án 06. (3) Các phiên họp của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số (từ năm 2022 - 2024). (4) Hội nghị thường trực Chính phủ về chuyển đổi số với các đồng chí Bộ trưởng, Trưởng ngành, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ngày 19/7/2024). (5) Hội nghị tri ân người có công với cách mạng năm 2024 và ra mắt ngân hàng gen (ADN) liệt sĩ chưa xác định được thông tin và thân nhân liệt sĩ, là giải pháp căn cơ để xác định danh tính cho 300.000 liệt sĩ (ngày 23/7/2024). (6) Hội nghị trực tuyến về mở rộng triển khai Sổ sức khỏe điện tử và cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID trên toàn quốc (ngày 02/10/2024), ...

⁴ **Chỉ thị số 02/CT-TTg**, ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số Quốc gia; **Chỉ thị số 21/CT-TTg**, ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong thực hiện an sinh xã hội không dùng tiền mặt. **Chỉ thị 05/CT-TTg**, ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; **Chỉ thị số 18/CT-TTg**, ngày 30/5/2023 đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ. **Chỉ thị số 23/CT-TTg**, ngày 9/7/2023 về đẩy mạnh cải cách thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp. **Chỉ thị số 27/CT-TTg**, ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến **Chỉ thị số 04/CT-TTg** ngày 11/02/2024 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án 06/CP tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo với 20 nhiệm vụ chung, 69 nhiệm vụ cụ thể và 12 nhiệm vụ của địa phương. **Chỉ thị số 09/CT-TTg** ngày 23/02/2024 về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. **Chỉ thị số 16/CT-TTg** ngày 20/5/2024 về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các Bộ, ngành, địa phương, phục vụ người dân, doanh nghiệp. **Chỉ thị số 25/CT-TTg** ngày 08/8/2024 về việc lập kế hoạch đầu tư

để chỉ đạo các nhiệm vụ của Đề án 06.



2.3. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo lựa chọn **05** thành phố trực thuộc Trung ương và 03 tỉnh (*Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hà Nam*) để tập trung nguồn lực, triển khai Đề án 06 ngay từ những ngày đầu năm 2022, trong đó Thành phố Hà Nội là đơn vị được lựa chọn triển khai thí điểm, với **19** mô hình điểm triển khai thành công, đã tạo sự lan tỏa cho các địa phương khác đăng ký thực hiện.

2.4. Trong quá trình triển khai Đề án 06, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, Tổ Công tác đã nhận diện và kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo tháo gỡ những “**điểm nghẽn**” về pháp lý, dịch vụ công, hạ tầng công nghệ, dữ liệu và nguồn lực triển khai. Đồng thời, các Phó Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nhiệm vụ được phân công trực tiếp giao ban định kỳ, đột xuất với Tổ Công tác và các bộ, ngành để chỉ đạo giải quyết từng nhiệm vụ cụ thể theo chuyên đề và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh (*Điển hình như: Công văn 452/TTg-KSTT, ngày 23/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ*).

3. Vai trò thường trực của Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ

3.1. Bộ Công an

- Đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an, Tổ trưởng Tổ công tác chủ trì 40 phiên giao ban và Phiên họp định kỳ hàng tháng của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 và đã ban hành rất nhiều văn bản đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06. Chủ trì hội nghị giao ban hàng tháng với Công an toàn quốc để chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân⁵. Ban hành Nghị quyết số **13-**

công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030. **Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 04/9/2024** về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm Dữ liệu quốc gia. **Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024** về xây dựng Đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương. **Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025** về triển khai Đề án 06 trong năm 2025. **Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 13/9/2025** về việc thúc đẩy triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ người dân và doanh nghiệp gắn với dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử

⁵ Trong đó, điển hình: Hội nghị đánh giá chỉ tiêu cấp CCCD và chuẩn bị các điều kiện thực hiện quy định của Luật Cư trú 2020 về; sơ kết 01 năm triển khai Đề án 06 trong CAND. Hội nghị trực tuyến toàn quốc thúc đẩy

NQ/ĐUCA, ngày 30/9/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 trong lực lượng Công an nhân dân. Ban hành Văn bản thúc đẩy các nhiệm vụ của Nghị quyết số 214/NQ-CP và Đề án 06 (*Công văn số 4257/TCT ngày 21/9/2025*)

- Đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an, Tổ phó Thường trực Tổ Công tác: ⁽¹⁾ chủ động trực tiếp làm việc với các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố để thống nhất giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về các vấn đề: Pháp lý, hạ tầng công nghệ, dữ liệu, an ninh an toàn, bảo mật, kinh phí triển khai; đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ triển khai hiệu quả Đề án 06, đáp ứng chỉ đạo của Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Kế hoạch 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương và Nghị quyết 214/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/7/2025. ⁽²⁾ Ban hành văn bản trao đổi, đôn đốc các đồng chí thành viên Tổ Công tác, các đồng chí UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, triển khai các nhiệm vụ chậm tiến độ của Đề án 06, đồng thời thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW phục vụ kịp thời cho công tác sáp nhập, triển khai mô hình địa phương 02 cấp. ⁽³⁾ Chỉ đạo Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến triển khai Đề án 06, phát huy vai trò thường trực, gương mẫu, đi đầu của đồng chí Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trong triển khai Đề án 06. ⁽⁴⁾ Ký kết Kế hoạch phối hợp với 11 Bộ, ngành⁶ và các địa phương thúc đẩy triển khai Đề án 06; ⁽⁵⁾ Đặc biệt, trong năm 2025, đồng chí Tổ phó Thường trực đã nhận diện “**điểm nghẽn**” và thành lập 06 Đoàn công tác trực tiếp làm việc với 34 địa phương để đôn đốc, hỗ trợ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Làm việc trực tiếp với 11 Bộ, ngành⁷ để đánh giá, thúc đẩy triển khai 12 Cơ sở dữ liệu quốc gia tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và 116 Cơ sở dữ liệu tại Nghị quyết số 71-NQ/CP. Ký ban hành các Báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về tình hình kết quả triển khai của Nhóm công tác số 03 về Nghị quyết 57 và việc xây dựng các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành (*Báo cáo số 2352/BC-NCT ngày 11/9/2025 và 2582/BC-NCT ngày 10/10/2025*).

- Thư ký Tổ Công tác thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Đề án 06, trong đó: ⁽¹⁾ Tham mưu, xây dựng triển khai 44 mô hình điểm của Đề án 06 gửi UBND các tỉnh, thành phố để triển khai thực hiện; ⁽²⁾ Chủ động làm việc trực tiếp với 33 đối

Đề án 06/CP và chuyển đổi số trong lực lượng Công an nhân dân; Hội nghị trực tuyến chuyển đổi số và sơ kết 02 năm triển khai Kế hoạch số 377/KH-BCA ngày 21/7/2022 về số hóa dữ liệu trong ngành Công an..

⁶ Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Thương mại Cổ phần bưu điện Liên Việt – LPBank, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tòa án nhân dân tối cao.

⁷ Gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Thanh tra Chính phủ, Bộ Công thương, Bộ Dân tộc và tôn giáo, Bộ Văn hóa TTDL, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao.

tác, doanh nghiệp đồng hành cùng Bộ Công an, với các cơ quan chức năng để thúc đẩy triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06. ⁽³⁾ Tổ chức thành công 02 mùa của Cuộc thi “Data for life”, được sự hưởng ứng tham gia nhiệt tình của người dân và các tổ chức công nghệ, hiện Bộ Công an đang phát động mùa 3 của cuộc thi với chủ đề “Hack for Growth” với hơn 9.000 ý tưởng gửi về Ban Tổ chức; tập trung chủ yếu vào ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm giải quyết các vấn đề xã hội cấp bách như giáo dục, y tế, môi trường, hỗ trợ nhóm yếu thế. ⁽⁴⁾ Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia; đề xuất tổ chức **04** Hội thảo Chuyên đề⁸ về những vấn đề liên quan; báo cáo xin ý kiến Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo về Đề án. Trên cơ sở chủ trương nhất trí của Bộ Chính trị (*Thông báo số 7455/VPTW, ngày 31/7/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng*) đã hoàn thiện Đề án và tham mưu Chính phủ ban hành Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia. ⁽⁵⁾ Làm việc trực tiếp với 15 bộ, ngành, Tòa án nhân dân tối cao đồng thời phối hợp với 07 tập đoàn, doanh nghiệp⁹ công nghệ tích cực khảo sát, nhận diện và xử lý các điểm nghẽn để triển khai thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 71/NQ-CP. ⁽⁶⁾ Giao ban hằng tuần với các Vụ/Cục nghiệp vụ thuộc các Bộ, ngành triển khai xây dựng CSDL và ban hành các Thông báo kết luận rà soát, đôn đốc tiến độ triển khai xây dựng CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành.

3.2. Văn phòng Chính phủ

Văn phòng Chính phủ đã phối hợp với Bộ Công an tham mưu nội dung chỉ đạo về Đề án vào Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP các năm và các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành **04** Nghị quyết chuyên đề¹⁰; **10** Công văn chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ¹¹; **58** Thông báo kết luận của Lãnh đạo Chính phủ chỉ đạo giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành, địa phương. Nội dung trọng tâm gồm: triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; đẩy nhanh tiến

⁸ Hội thảo: “Quốc gia lần thứ nhất phục vụ xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia” ngày 02/02/2023; “*Xây dựng hạ tầng cơ bản, hạ tầng vô trạm, quy hoạch và phát triển cơ sở dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia*” ngày 10/3/2023; “*Kiến trúc dữ liệu của bộ, ngành, địa phương trong kiến trúc dữ liệu tổng thể quốc gia*”, ngày 27/3/2023.

⁹ Viettel, VNPT, FPT, CMC, Tecapro, Gtel, Mobifone

¹⁰ Gồm: (i) Nghị quyết 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; (ii) Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia; (iii) Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; (iv) Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 về ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

¹¹ Gồm các Văn bản số: 452/TTg-KSTT ngày 23/5/2023; số 493/TTg-KSTT ngày 01/6/2023; số 221/TTg-KSTT ngày 03/4/2024; số 222/TTg-KSTT ngày 03/4/2024; số 454/TTg-KSTT ngày 25/6/2024; số 565/TTg-KSTT ngày 24/8/2024; số 727/TTg-KSTT ngày 01/10/2024; số 219/TTg-KSTT ngày 27/02/2025; số 500/TTg-KSTT ngày 04/5/2025; số 623/TTg-KSTT ngày 30/5/2025.

độ, chất lượng trong triển khai các tiện ích, nhiệm vụ của Đề án 06; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh kết nối, tích hợp với các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành; số hóa, tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC; đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm Dữ liệu quốc gia; bảo đảm việc giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp ổn định, thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy...

Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Bộ Nội vụ tham mưu, tổ chức: ⁽¹⁾ 22 hội nghị toàn quốc do Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ chủ trì, trong đó, đã tham mưu đưa các nội dung chỉ đạo, đơn đốc liên quan đến Đề án 06 vào nội dung làm việc. ⁽²⁾ **36 cuộc họp nhằm tháo gỡ các “điểm nghẽn”**, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Đề án 06. Các hội nghị, cuộc họp đã được chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt nội dung, đánh giá rõ các kết quả và vướng mắc, khó khăn trong triển khai các nhiệm vụ thuộc Đề án; trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của đồng chí Thủ tướng Chính phủ, các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Thông báo kết luận để kịp thời chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3.3. Các bộ, ngành thành viên Tổ công tác tiếp tục đẩy mạnh triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06, điển hình như:

- **Bộ Khoa học và Công nghệ:** Phát huy vai trò trong việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương về các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn; hướng dẫn các thành phần công nghệ thông tin thiết yếu, định mức tiêu chuẩn, điển hình: Ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương về áp dụng, sử dụng các định mức, đơn giá, mức chi trong quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngân sách nhà nước (*Công văn số 6184/BTTTT, ngày 14/12/2023*); Hướng dẫn các thành phần công nghệ thông tin thiết yếu cần thiết và tiêu chuẩn, định mức phục vụ triển khai Đề án 06 (*Công văn số 1552/BTTTT ngày 26/4/2022 và công văn số 708/BTTTT-CATTT*); Hướng dẫn các bộ, ngành triển khai các giải pháp an toàn, an ninh mạng để đáp ứng các tiêu chí về kỹ thuật triển khai Đề án 06 (*Công văn số 1660/BTTTT ngày 08/5/2023*); Ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện Quyết định số 571/QĐ-TTg ngày 12/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (*Công văn số 687/BKHCN-CDSQG ngày 07/04/2025*); Ban hành văn bản điều chỉnh mã định danh điện tử của cơ quan nhà nước khi sắp xếp đơn vị hành chính theo phương án tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (*Công văn số 1447/BKHCN-CDSQG ngày 10/5/2025*); Ban hành Đề án xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia (*Quyết định số 4056/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2025*); Ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai

các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng (*Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025*).

- **Bộ Tài chính:** Phát huy vai trò trong việc hướng dẫn, bố trí kinh phí triển khai Đề án 06, điển hình: Đã ban hành 09 văn bản¹² hướng dẫn, các bộ, ngành, địa phương bố trí nguồn kinh phí triển khai Đề án 06, trong đó, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương rà soát, đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn cho các dự án thuộc Đề án 06 trong phạm vi tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao. Hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương triển khai thực hiện Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 quy định về sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước (*Công văn số 11736/BTC-HCSN ngày 30/10/2024*); Ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị 18/CT-TTg ngày 30/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phục vụ phát triển Thương mại điện tử, chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ (*Quyết định số 1928/QĐ-BTC ngày 02/06/2025*); Tham mưu Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp (*Quyết định số 2074/QĐ-TTg ngày 17/9/2025*).

- **Bộ Y tế:** Hướng dẫn các cơ sở y tế trực thuộc tổ chức khám chữa bệnh bằng thẻ căn cước công dân gắn chip tích hợp thẻ bảo hiểm y tế (*Công văn số 931/BYT, ngày 28/02/2022*). Ban hành Quyết định quy định đặc tả nhóm thông tin cơ bản về nguồn lực y tế phục vụ công tác quản lý của Bộ Y tế (*Quyết định số 3373/QĐ-BYT ngày 29/8/2023*). Ban hành Hướng dẫn thực hiện Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID (*Quyết định số 2733/QĐ-BYT ngày 17/9/2024*). Triển khai thí điểm hệ thống điều phối dữ liệu từ ngày 06/02/2025. Ban hành Kế hoạch triển khai Bệnh án điện tử tại tất cả các bệnh viện trên toàn quốc (*Quyết định số 1150/QĐ-BYT ngày 03/4/2025*).

- **Bộ Xây dựng:** Ban hành văn bản đôn đốc các UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở xây dựng rà soát, ban hành các quy định, Kế hoạch về việc đánh số nhà và gắn biển số nhà trên địa bàn và hướng dẫn các đơn vị triển khai, thực hiện (*Công văn số 5948/BXD-QLN ngày 22/12/2023*). Ban hành Quyết định phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ 3 đối với Hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản (*Quyết định số 171/QĐ-BXD ngày 14/3/2024*); Ban hành Đề án Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 926/QĐ-BXD ngày 11/10/2024*).

- **Bộ Tư pháp:** Chủ trì, phát huy vai trò thường trực trong công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật: Phối hợp với Bộ Công an thống nhất, ban hành 02 Quy trình: thực hiện đối chiếu, cập nhật, đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu dân cư với cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (*Quy trình số 1050, ngày 9/11/2022, Quy trình*

¹² Công văn số 933/BKHĐT-QPAN ngày 16/02/2022, Công văn số 4275/BKHĐT-ĐKKD ngày 27/6/2022, Công văn số 3199/BKHĐT-ĐKKD ngày 27/4/2023, Công văn số 3378/BKHĐT-ĐKKD ngày 05/5/2023; Công văn số 933/BTC ngày 09/2/2022, Công văn số 1359/BTC-HCSN ngày 06/2/2025, Công văn số 1791/BTC-HCSN ngày 14/2/2025, Công văn số 2243/BTC-HCSN ngày 25/2/2025, Công văn số 7679/BTC-KTN ngày 03/6/2025

số 1292, ngày 20/12/2022); Triển khai Kế hoạch phát động đợt thi đua chuyên đề về đẩy nhanh tiến độ số hóa Sổ hộ tịch ở các địa phương. Ban hành văn bản chỉ đạo tập trung, xây dựng, hoàn thành các Nghị định thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, chỉ đạo các địa phương đẩy nhanh tiến độ số hóa sổ hộ tịch (Công văn số 4717/BTP ngày 21/8/2024). ban hành Kế hoạch thực hiện đợt cao điểm 90 ngày đêm làm sạch dữ liệu hôn nhân và triển khai cắt giảm thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Kế hoạch số 329/KH- BCA-BTP-TANDTC ngày 31/5/2025 của Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định số 1721/QĐ-BTP ngày 11/6/2025).

- **Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Phát huy vai trò thường trực trong các nhiệm vụ về giáo dục, đào tạo, điển hình: hướng dẫn các cơ sở giáo dục, đào tạo địa phương tổ chức thi tốt nghiệp Trung học phổ thông các năm từ 2022-2025, hướng dẫn thí sinh thực hiện đăng ký qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên, xếp loại... của học sinh lớp 12 trên Cơ sở dữ liệu ngành, đảm bảo cung cấp dữ liệu sạch, đầy đủ phục vụ cấp thẻ CCCD đối với công dân đang học lớp 9 và lớp 12 trong kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học, cao đẳng các năm từ 2023-2025. Ban hành Quy định thanh toán không dùng tiền mặt đối với thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục (Quyết định số 4597/QĐ ngày 28/12/2022). Biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn đội ngũ cán bộ quản lý cấp xã và cán bộ quản lý giáo dục cấp sở về quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Kế hoạch số 774/KH-BGDĐT ngày 13/6/2025).

- **Bộ Nội vụ:** tổ chức khảo sát để nắm tình hình kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu về hệ thống cán bộ, công chức, viên chức tại 04 cụm: Tây Nam Bộ, Trung du và Đồng bằng sông Hồng, các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc; Bắc Trung Bộ; ban hành Thông tư về Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ công chức, viên chức (Thông tư số 06/2023/BNV ngày 04/5/2023 của Bộ Nội vụ). Phối hợp, đôn đốc UBND các tỉnh, thành phố tăng cường triển khai chi trả trợ cấp an sinh xã hội đến đối tượng hưởng chính sách đã có tài khoản (Công văn số 388/LĐTBOXH-CNTT ngày 22/01/2024 và Công văn số 1923/BLĐTBOXH-TTCNTT ngày 09/5/2024). Ban hành Cẩm nang tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã, để tăng cường hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã khi triển khai mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp.

- **Bộ Nông nghiệp và Môi trường:** ban hành văn bản hướng dẫn triển khai, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu đất đai (Công văn số 119/TNMT, ngày 14/3/2023). Thành lập Ban chỉ đạo, Tổ công tác triển khai thực hiện xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để tập trung chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương đẩy nhanh tiến độ hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai¹³. Ban hành các văn bản đôn đốc, hướng dẫn

¹³ Quyết định: số 486/QĐ-BTNMT ngày 28/02/2024; số 488/QĐ-BTNMT ngày 28/02/2024; số 1146/QĐ-BTNMT ngày 26/04/2024; số 01/QĐ-BCĐ ngày 04/04/2024

UBND các tỉnh, thành phố thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu đất đai, xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai¹⁴. Có văn bản yêu cầu các địa phương rà soát, cập nhật thông tin để đồng bộ hóa dữ liệu nghề cá với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (*Công văn số 869/TC-QLTC ngày 20/5/2024*). Phối hợp với Bộ Công an ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (*Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT, ngày 31/8/2025*).

- **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:** trong giai đoạn 2022 – 2025 đã ban hành 06 Kế hoạch thực hiện Đề án 06 và 21 văn bản chỉ đạo thực hiện, nổi bật là Chỉ thị yêu cầu các tổ chức tín dụng xem xét, quyết định theo thẩm quyền áp dụng giải pháp ứng dụng cơ sở dữ liệu dân cư trong đánh giá khách hàng vay do Bộ Công an cung cấp, bảo đảm hoạt động cho vay an toàn, hiệu quả (*Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024*). Quyết định 2345/QĐ-NHNN về triển khai các giải pháp an toàn bảo mật trong thanh toán trực tuyến; xây dựng Fanpage “*Truyền thông SBV*” trong đó có một số nội dung về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng trên nền tảng số, cảnh báo các chiêu trò lừa đảo của tội phạm, hướng dẫn các kỹ năng bảo mật dữ liệu cá nhân, an toàn tài khoản.

- **Ban Cơ yếu Chính phủ:** ban hành văn bản đôn đốc các đơn vị tăng cường công tác quản lý, sử dụng dịch vụ chữ ký số chuyên dụng công vụ trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (*Công văn số 275/BCY-CTSBMTT ngày 16/5/2025*). Phối hợp triển khai các giải pháp bảo mật, xác thực phục vụ chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW. Xây dựng giải pháp ký số trên thiết bị di động cho Cục Chuyển đổi số và Cơ yếu/VPTW Đảng. Phối hợp triển khai gửi, nhận văn bản mật trên hệ thống điều hành tác nghiệp của Văn phòng Trung ương Đảng đến cấp xã.

4. UBND các tỉnh, thành phố

- Ủy ban nhân dân các địa phương: Đã thành lập Tổ Công tác triển khai Đề án 06 các cấp theo Chỉ đạo của Chính phủ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 01/6/2022. Ban hành Chỉ thị, Chương trình kế hoạch triển khai định kỳ hàng năm. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (*Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 15/5/2025*) và thành lập 03 Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo (*Quyết định số 930/QĐ-TTg, 931/QĐ-TTg và 932/QĐ-TTg ngày 15/5/2025*), 100% các địa phương đã sáp nhập, kiện toàn các Ban Chỉ đạo và thành lập các Tổ công tác giúp việc tại các cấp (*với 34 Tổ Công tác/Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, 3.321 Tổ Công tác/Ban Chỉ đạo cấp xã*); trong đó lực lượng Công an với vai trò nòng cốt, thường trực tham mưu triển khai Đề án 06 trên địa bàn. Hoạt động của các Tổ công tác 06 tại cấp cơ sở đã tích cực phát huy

¹⁴ Các Công văn: số 754/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 31/01/2024; số 3983/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 20/6/2024; số 1812/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 25/3/2024; số 6457/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 20/9/2024; số 7952/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 13/11/2024 và Nghị quyết số 237/NQ-CP ngày 13/12/2024.

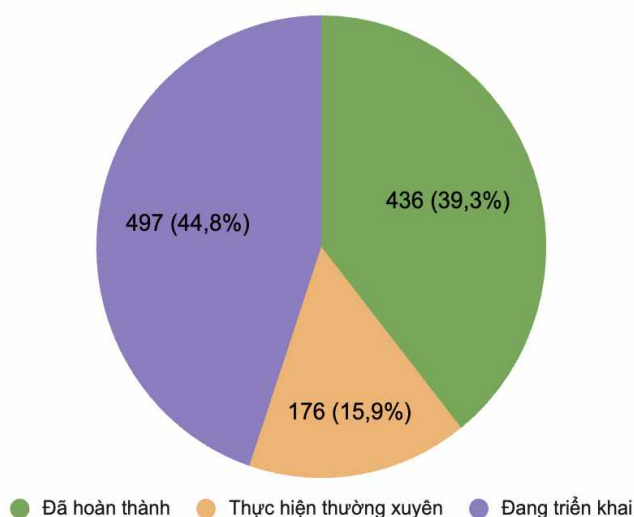
vai trò trong công tác truyền thông về các lợi ích của Đề án; triển khai các nội dung liên quan về làm sạch dữ liệu; hỗ trợ về công nghệ thông tin, hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến, tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt và kích hoạt tài khoản định danh điện tử...

- Các địa phương đã triển khai 44 mô hình điểm do Tổ Công tác Chính phủ gợi ý triển khai để thúc đẩy Đề án 06 tại địa bàn. Đã có 27 địa phương ký kết Kế hoạch phối hợp triển khai mô hình, giải pháp ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số. Các địa phương đã thực hiện kết nối thành công Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; chỉ đạo việc phối hợp và đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện Đề án 06. Các địa phương đã chỉ đạo Sở Nội vụ có văn bản yêu cầu 100% cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang chỉ thực hiện dịch vụ công trực tuyến và tuyên truyền người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hạn chế nộp hồ sơ trực tiếp. Nhiều địa phương có các cách làm hay, sáng tạo như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Đồng Nai, Tuyên Quang, Hưng Yên, Thành phố Huế, Thành phố Hải Phòng... (có phụ lục 01 gửi kèm).

II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC VÀ TIỆN ÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Trong giai đoạn 2022–2025, các bộ, ngành, địa phương đã tích cực, quyết liệt thực hiện **1.159 nhiệm vụ** trong đó 166 nhiệm vụ chung và 846 nhiệm vụ cụ thể của các bộ, ngành, 147 nhiệm vụ của các địa phương. Đã hoàn thành 436 nhiệm vụ, thực hiện thường xuyên 176 nhiệm vụ, đang triển khai 497 nhiệm vụ.

Tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2022 - 2025



Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Tổ công tác triển khai Đề án, các bộ, ngành, địa phương đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Chính phủ xác định

nguyên tắc “**5-4-3-2-1**”¹⁵ là kim chỉ nam xuyên suốt, bảo đảm cho Đề án được triển khai đồng bộ, hiệu quả và thực chất.

Theo đó, 5 nhóm vấn đề trọng tâm gồm: *hoàn thiện pháp lý; xây dựng hạ tầng công nghệ; tạo lập và làm sạch dữ liệu; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và bố trí đầy đủ nguồn lực* về con người và kinh phí đã được triển khai đồng bộ. Việc chỉ đạo được thực hiện xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm thống nhất trong hành động và kết nối trong vận hành.

1.1. Hoàn thiện pháp lý

(1) Các điểm nghẽn về pháp lý đã được chỉ rõ tại Công văn số 452/TTg-KSTT đã được khắc phục, cụ thể:

- Một số quy định pháp luật chưa kịp thời được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với việc triển khai Đề án 06: để chuyển đổi trạng thái từ phương thức làm việc thủ công sang môi trường điện tử, Quốc hội ban hành Luật giao dịch điện tử, tạo cơ sở pháp lý toàn diện cho giao dịch điện tử, định danh, xác thực điện tử, chữ ký số.

- Còn tồn tại nhiều thủ tục hành chính, giấy tờ công dân trùng lặp, rườm rà, chưa tích hợp được dữ liệu định danh điện tử: Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, ngày 21/12/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Bỏ yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi làm thủ tục hành chính, chuyển sang khai thác dữ liệu dân cư điện tử.

Nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh do cơ chế đầu tư, tài chính và thuê dịch vụ công nghệ thông tin chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn của chuyển đổi số. Thủ tục đầu tư ứng dụng CNTT còn phức tạp, chậm, áp dụng như đầu tư xây dựng cơ bản nên thiếu linh hoạt; cơ chế thuê dịch vụ CNTT chưa rõ ràng, chưa có hướng dẫn cụ thể về giá, hợp đồng và thanh toán; việc phân loại chi đầu tư, chi thường xuyên còn bất cập, gây khó khăn trong bố trí kinh phí. Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa các bộ, ngành còn chồng chéo, thiếu cơ chế rút gọn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án số: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2024/NĐ-CP, ngày 10/7/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Nghị định đã đơn giản hóa thủ tục đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, cho phép thực hiện theo phương thức rút gọn, giúp rút ngắn thời gian thẩm định và phê duyệt dự án.

¹⁵ Gồm: 5 nhóm vấn đề: Pháp lý, hạ tầng công nghệ, tạo lập dữ liệu, đảm bảo an ninh an toàn và bố trí nguồn lực (kinh phí và con người) - 3 xuyên suốt: Từ trung ương đến cấp tỉnh, xã - 3 giá trị: Văn minh xã hội, phát triển kinh tế và phòng, chống tội phạm. - 2 mục tiêu: Nhận thức đúng và giải pháp trúng sáng tạo, đột phá. - 1 quyết tâm: Người đứng đầu các đơn vị phải quyết tâm, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, được thể hiện bằng phương pháp chỉ đạo, phân công “rõ người, rõ việc, rõ thời gian”, có kiểm tra, giám sát; chỉ bàn làm, không bàn lùi.

Đồng thời, Nghị định bổ sung đầy đủ cơ chế thuê dịch vụ CNTT, quy định rõ về quy trình, hợp đồng và thanh toán, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan nhà nước chuyển từ mua sắm sang thuê dịch vụ linh hoạt, tiết kiệm. Bên cạnh đó, Nghị định đã làm rõ cơ chế sử dụng nguồn vốn đầu tư và chi thường xuyên, tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, khắc phục tình trạng chồng chéo. Nhờ đó, hành lang pháp lý cho đầu tư và thuê dịch vụ CNTT được hoàn thiện, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ tiến độ và hiệu quả thực hiện Đề án 06

Việc phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021–2030 gặp nhiều khó khăn như chưa có quy hoạch tổng thể, đồng bộ giữa các lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin và hạ tầng số; còn chồng chéo trong quản lý, đầu tư, khai thác; chênh lệch lớn giữa đô thị và nông thôn trong tiếp cận dịch vụ số; đồng thời thiếu cơ chế, chính sách dài hạn cho phát triển trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và mạng 5G. Chính phủ đã ban hành Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/1/2024 phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhằm thiết lập định hướng thống nhất, đồng bộ hóa quy hoạch hạ tầng số quốc gia, gắn kết hạ tầng viễn thông với công nghệ thông tin và năng lượng số, thúc đẩy đầu tư phát triển mạng 5G, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số và xã hội số.

Công tác triển khai chuyển đổi số quốc gia trong thời gian qua còn đối mặt với nhiều hạn chế như hệ thống kiến trúc và nền tảng số ở các bộ, ngành, địa phương còn thiếu thống nhất, rời rạc và khó kết nối; chưa có chuẩn dữ liệu và quy định kỹ thuật đồng bộ; công tác chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các cơ quan còn hạn chế; nguồn lực triển khai và năng lực nhân sự chưa đáp ứng yêu cầu. Để tháo gỡ những bất cập đó và định hướng phát triển thống nhất, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 phê duyệt Khung Kiến trúc Tổng thể Quốc gia Số, đã tạo ra cơ sở thống nhất cho việc xây dựng và vận hành hạ tầng số, chuẩn hóa các tiêu chuẩn kỹ thuật, dữ liệu và nền tảng dùng chung, thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các cấp, các ngành, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số quốc gia toàn diện và bền vững.

Việc xây dựng và vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia vẫn còn nhiều vướng mắc và hạn chế. Dữ liệu được quản lý phân tán tại nhiều bộ, ngành, địa phương, dẫn đến thiếu tính kết nối và đồng bộ; chuẩn dữ liệu, quy trình cập nhật và chia sẻ chưa thống nhất, gây trùng lặp, sai lệch và khó khai thác hiệu quả. Bên cạnh đó, chưa có khung pháp lý rõ ràng quy định về danh mục, trách nhiệm quản lý và cơ chế sử dụng dữ liệu, khiến việc chia sẻ, tích hợp giữa các hệ thống còn lúng túng. Để thống nhất quản lý và khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu quốc gia, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia. Tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho công tác xây dựng, cập nhật

và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia, xác định rõ danh mục các cơ sở dữ liệu trọng điểm, quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý, khai thác, đồng thời thúc đẩy việc chia sẻ, kết nối dữ liệu trên phạm vi toàn quốc, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị số và phục vụ tốt hơn cho công tác điều hành của Chính phủ.

Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 3.0 được ban hành kèm theo Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023, đã tạo nền tảng cho việc xây dựng “Chính phủ điện tử” thống nhất trên toàn quốc. Tuy nhiên, phiên bản này còn thiên về ứng dụng CNTT trong quản lý và cung cấp dịch vụ công, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi sang Chính phủ số, còn hạn chế về chia sẻ dữ liệu, tính linh hoạt và cơ chế kết nối giữa các hệ thống. Trước yêu cầu phát triển mới, Khung Kiến trúc “Chính phủ số” Việt Nam phiên bản 4.0 được ban hành theo Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2025, đã khắc phục các bất cập của phiên bản trước. Phiên bản 4.0 chuyển trọng tâm từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số, đặt người dân và dữ liệu làm trung tâm, tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin. Qua đó, tạo hành lang kiến trúc thống nhất, linh hoạt, thúc đẩy triển khai hiệu quả chuyển đổi số quốc gia và thực hiện các mục tiêu của Đề án 06.

Công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin có tính chất đặc thù như tài nguyên tri thức, sản phẩm sáng tạo mới, khó xác định giá thầu hoặc có ít nhà cung cấp từng gặp nhiều vướng mắc do chưa có quy định phù hợp với đặc thù của lĩnh vực này. Các quy trình đấu thầu truyền thống còn rườm rà, thiếu linh hoạt, khiến việc triển khai các dự án công nghệ cao, sản phẩm chuyển đổi số quan trọng bị kéo dài, khó thu hút nhà cung cấp phù hợp: Trước thực tế đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 thay thế Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024, nhằm sửa đổi, bổ sung các quy định về đấu thầu cho phù hợp với đặc thù của sản phẩm công nghệ thông tin. Cho phép áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu linh hoạt hơn, đặc biệt là chỉ định thầu trong các trường hợp công nghệ độc quyền, bản quyền, sáng chế, đồng thời điều chỉnh yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của tổ thẩm định, tổ chuyên gia đối với các gói thầu công nghệ đặc thù. Nhờ đó, việc lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin trở nên nhanh chóng, hiệu quả và sát thực tiễn hơn, góp phần thúc đẩy tiến độ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong khu vực công.

(2) Theo lộ trình của Đề án 06 trong giai đoạn 2022-2025, các bộ, ngành tập trung xây dựng mới **01** Luật, sửa đổi **01** Luật, xây dựng **03** Nghị định, **03** Thông tư. Đến nay, các Bộ, ngành đã hoàn thành việc xây dựng và ban hành **08/08** văn bản quy phạm pháp luật theo lộ trình đề ra, gồm: **02 Luật; 03 Nghị định; 03 Thông tư**¹⁶. Bên cạnh đó, trong hơn 04 năm triển khai, các Bộ, ngành theo chức

¹⁶ Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15; Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 5/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, ngày 17/4/2023 của Chính phủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; Thông tư số

năng, nhiệm vụ được phân công đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành **22 Luật, 34 Nghị định** và **15 Quyết định** có liên quan đến chuyển đổi số, Đề án 06. **Đặc biệt như: Luật giao dịch điện tử; Luật Dữ liệu; Luật Công nghiệp công nghệ số** đã đưa Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ban hành một bộ luật riêng về lĩnh vực Công nghiệp công nghệ số.

Đồng thời, các bộ, ngành chủ động ban hành **54 Thông tư, Quyết định** thuộc thẩm quyền của đơn vị mình để khắc phục những tồn tại, hạn chế về mặt pháp lý, phục vụ triển khai có hiệu quả Đề án 06

(Có Phụ lục số 02 về văn bản pháp lý gửi kèm)



Đánh giá: Có thể nói, triển khai Đề án 06 đi đôi với xây dựng hành lang pháp lý cho Chính phủ số. Trong ba năm triển khai Đề án 06, nhiều bất cập về pháp lý được phát hiện thông qua Đề án 06 đã được kịp thời tháo gỡ bằng các văn bản pháp luật, chính sách mới. Thông qua Đề án 06, những “điểm nghẽn” thể chế lâu nay từng bước được tháo gỡ, tạo thuận lợi cho chuyển đổi số. Chính phủ xác định hoàn thiện pháp lý về khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm cần đẩy nhanh. Đến nay, những kinh nghiệm về hoàn thiện thể chế được tích lũy đã và đang được tiếp tục áp dụng trong thực tiễn để đáp ứng tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 57-NQ/TW là “Xác định thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia” và “Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng,

46/2022/TT-BCA, ngày 4/11/2022 của Bộ Công an quy định về việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác. Thông tư số 48/2022/TT-BTC ngày 3/8/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Thông tư số 08/2022/TT-BCA, ngày 27/01/2022 của Bộ Công an quy định về danh mục, sản phẩm được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, tạo tiền đề quan trọng để các định hướng cải cách của Nghị quyết số 57-NQ/TW được hiện thực hóa bằng các kết quả, thành tựu trực rõ trong cuộc sống.

Đặc biệt, với chủ trương của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc hoàn thiện, ban hành Luật Chuyển đổi số và Luật về Trí tuệ nhân tạo giúp Đề án 06 từ giai đoạn thí điểm – chỉ đạo hành chính chuyển sang giai đoạn bền vững, ổn định, lâu dài trong khung pháp lý của quốc gia. Đề án 06 đặt trọng tâm vào việc số hóa thủ tục hành chính, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Luật Chuyển đổi số sẽ hợp pháp hóa cơ chế chia sẻ, tích hợp dữ liệu, khắc phục tình trạng “cát cứ thông tin” và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; Luật về Trí tuệ nhân tạo sẽ giúp cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận thủ tục hành chính nhanh chóng, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công.

1.2. Hạ tầng công nghệ thông tin

(1) Về triển khai xây dựng Trung tâm Dữ liệu quốc gia

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 175/NQ-CP ngày 30/10/2025, Trung tâm dữ liệu quốc gia đã chính thức được đưa vào vận hành từ ngày 19/8/2025.

Trung tâm dữ liệu quốc gia Đề án nhằm khắc phục những hạn chế về dữ liệu trong triển khai Đề án 06, là đầu mối tập trung hạ tầng lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu của Chính phủ, qua đó giúp chấm dứt tình trạng đầu tư manh mún, phân tán hệ thống dữ liệu tại các bộ, ngành, địa phương, đồng thời tạo điều kiện hình thành nền tảng hạ tầng số tập trung, hiện đại, tiết kiệm và dùng chung toàn quốc.

Trung tâm Dữ liệu quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu hiện có của các bộ, ngành, địa phương ... Việc tích hợp dữ liệu về một trung tâm giúp tăng khả năng chia sẻ, xác thực và đồng bộ hóa dữ liệu theo thời gian thực, phục vụ hiệu quả công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, không để người dân, doanh nghiệp phải khai báo lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia. Bên cạnh đó, dữ liệu khi được tập trung và làm giàu sẽ trở thành tài nguyên phục vụ hiệu quả cho công tác phân tích, giám sát và ra quyết định điều hành. Trung tâm Dữ liệu quốc gia cho phép xây dựng hệ thống bản đồ số điều hành dữ liệu, cung cấp thông tin tổng hợp, phân tích xu hướng, cảnh báo sớm và hỗ trợ hoạch định chính sách. Các chỉ tiêu liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, mức độ hài lòng của người dân, tình trạng giải quyết chậm trễ... có thể được giám sát tập trung, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

(2) Bảo đảm chất lượng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến cấp xã; chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông bảo đảm chất lượng đường truyền Internet cung cấp dịch vụ cho

người dân, doanh nghiệp; hỗ trợ triển khai các giải pháp bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin cho các bộ, ngành trong giai đoạn thực hiện các thủ tục đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt bảo đảm chất lượng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến cấp xã, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp viễn thông nâng cao chất lượng Internet phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ hạ tầng CNTT cho các bộ, ngành. Nhờ đó, tốc độ Internet di động của Việt Nam duy trì top 20 thế giới (hạng 18, đạt 151,69 Mbps, tăng 2,7 lần so với 2024), Internet cố định băng rộng tăng 13 bậc lên top 13 (250,56 Mbps, tăng 1,7 lần). Chất lượng mạng di động và 5G vươn top đầu thế giới; Viettel xếp thứ 3, Vinaphone xếp thứ 2 toàn cầu về chất lượng 5G (theo Ookla, 6/2025). Hệ thống cáp quốc tế tiếp tục mở rộng với tuyến VSTN do VNPT xây dựng, dài 3.900 km, kết nối Đà Nẵng với ASEAN – tuyến cáp đầu tiên do Việt Nam làm chủ hoàn toàn, góp phần tăng tính tự chủ và ổn định kết nối. Việc nâng cao chất lượng Internet đã tạo nền tảng phát triển hạ tầng số quốc gia, bảo đảm dịch vụ công trực tuyến thông suốt, thúc đẩy chuyển đổi số và góp phần tăng trưởng kinh tế, khi World Bank ghi nhận tốc độ băng rộng tăng gấp đôi có thể làm GDP tăng thêm 0,3%.

- Các bộ, ngành, địa phương đã khẩn trương rà soát, đánh giá tổng thể hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin theo văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 và văn bản số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 về sửa đổi, thay thế nội dung về an toàn, an ninh mạng tại Công văn số 1552/BTTTT-THH.

(3) Qua khảo sát các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của 34 địa phương, kết quả cho thấy các địa phương cơ bản đã đảm bảo yêu cầu về hạ tầng công nghệ để triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 cũng như phục vụ người dân:

- Qua khảo sát 2.822 hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tại 34 tỉnh/thành phố: .922 hệ thống (68,1%) đang sử dụng tốt; 466 hệ thống (16,5%) cần nâng cấp/hoàn thiện; 434 hệ thống (15,4%) có nhu cầu xây dựng mới. Mô hình tập trung chiếm ưu thế với 2.074 hệ thống (73,5%).

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh đã được triển khai 100% tại các địa phương. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai tại 34 tỉnh/thành phố

- **32/34 tỉnh** triển khai hạ tầng công nghệ thông tin đồng thời tại Trung tâm dữ liệu tỉnh và có thuê dịch vụ điện toán đám mây hoặc đặt chỗ bên ngoài. Hai tỉnh Lai Châu và Lạng Sơn triển khai tập trung tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, không thuê dịch vụ bên ngoài.

Đánh giá: Trung tâm dữ liệu Quốc gia là dự án hạ tầng số trọng điểm, tạo nền tảng lưu trữ, chia sẻ dữ liệu tập trung cho toàn bộ hệ thống chính trị. Nghị quyết số 57-NQ/TW cũng đề ra nhiệm vụ phát triển các trung tâm dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu nhằm khai thác tối đa giá trị dữ liệu quốc gia. Đề án 06 giữ vai trò nòng cốt trong việc đề xuất, triển khai xây dựng TTDLQG. Việc tích cực triển khai TTDLQG chứng tỏ Việt Nam nghiêm túc hiện thực hóa mục tiêu “phát triển nhanh hạ tầng số, dữ liệu số” của Nghị quyết số 57-NQ/TW. TTDLQG được kỳ vọng khắc phục triệt để tình trạng phân tán dữ liệu, tạo nền tảng dùng chung cho các ứng dụng AI, Big Data quốc gia sau này. Những nỗ lực hiện nay - từ hoàn thiện hành lang pháp lý về chia sẻ dữ liệu bắt buộc, đến thử nghiệm sàn giao dịch dữ liệu và superApp - đều hướng tới xây dựng một hạ tầng dữ liệu quốc gia hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn. Đây là yếu tố không thể thiếu để Việt Nam bứt phá, sánh vai nhóm nước dẫn đầu khu vực về chuyển đổi số vào 2030 như Nghị quyết số 57-NQ/TW đề ra. Tuy dự án TTDLQG còn ở giai đoạn đầu, Đề án 06 đã tạo tiền đề vững chắc để Chính phủ tập trung nguồn lực hoàn thành công trình này trong những năm tới.

1.3. Dữ liệu

Để giải quyết vấn đề Cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương phân tán, chia cắt, không liên thông, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị. Trong đó quy định danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, cách thức xây dựng, cập nhật, khai thác và sử dụng, tạo nền tảng pháp lý để các bộ, ngành, địa phương kết nối và chia sẻ dữ liệu thống nhất.

Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính¹⁷; đồng thời yêu cầu thực hiện nghiêm việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử ở tất cả các cấp chính quyền; đẩy mạnh xây dựng, cập nhật, kết nối, liên thông các nền tảng số, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đồng bộ, thực chất, hiệu quả bảo đảm khắc phục tình trạng “manh mún”, “cát cứ thông tin”, “chia cắt” và “co cụm dữ liệu” như hiện nay, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong cơ quan hành chính nhà nước.

Các bộ, ngành và địa phương tăng cường triển khai việc xây dựng, cập nhật, kết nối và liên thông các nền tảng số, các Cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành theo hướng đồng bộ, nhất quán và an toàn, tạo lập một hệ sinh thái dữ liệu thống nhất trên phạm vi toàn quốc, bảo đảm dữ liệu được chia sẻ, khai thác và sử dụng

¹⁷ Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt 52,57% (144.857/275.571 hồ sơ); địa phương đạt 65,01% (1.597.570/2.457.423 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 52,72% (145.277 kết quả giải quyết TTHC/275.571 kết quả cần cấp); địa phương đạt 68,13% (1.674.242 kết quả giải quyết TTHC/2.457.423 kết quả cần cấp). Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 4,18% (11.520/275.598 hồ sơ); địa phương đạt 40,71% (1.254.728/3.082.112 hồ sơ).

hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển Chính phủ số và kinh tế số.

1.4. An ninh an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu

Vấn đề về an ninh an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu được xác định là một trong những điểm nghẽn trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và hiệu quả triển khai Đề án 06. Bộ Công an đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học Công nghệ) ban hành Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 28/4/2020 về việc đôn đốc tổ chức triển khai bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo mô hình “4 lớp” và Công văn số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 về việc sửa đổi, thay thế nội dung về an toàn, an ninh mạng tại Công văn số 1552/BTTTT-THH hướng dẫn các cơ quan, đơn vị rà soát, đánh giá tổng thể hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống bảo mật và an ninh mạng, bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình triển khai Đề án 06.

Đến nay, qua kết quả kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin các hệ thống thông tin của các địa phương cho thấy: **34/34 địa phương** đã xác định và phê duyệt cấp độ hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng. Tất cả **34/34 địa phương** có hệ thống đáp ứng an toàn thông tin cấp độ 3, có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia về Dân cư.

1.5. Nguồn lực

1.5.1. Về kinh phí

- Đối với kinh phí cho địa phương:

+ Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chủ động bố trí kinh phí triển khai Đề án 06 tại địa phương mình, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu công tác

+ Phân bổ kinh phí hỗ trợ các địa phương từ ngân sách Trung ương để thực hiện nhiệm vụ tăng cường quản lý đối với đất đai: Căn cứ đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*trước đây là Bộ Tài nguyên và Môi trường*), Bộ Tài chính đã đề xuất Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được nhất trí với phương án bố trí **4.928 tỷ đồng** để thực hiện 02 Đề án, nhiệm vụ phục vụ tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm, trường quốc doanh.

- Đối với kinh phí cho các Bộ, ngành:

+ Căn cứ đề xuất của các bộ, ngành, đã hoàn thành phân bổ dự toán chi thường xuyên được giao đầu năm 2025 để thực hiện các nhiệm vụ về CNTT là hơn **1.620 tỷ đồng**, trong đó có kinh phí thực hiện Đề án 06 là hơn 258 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán NSNN năm 2025 cho các bộ, cơ quan để thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT là

2.272 tỷ đồng (gồm kinh phí thực hiện Đề án 06 là 541 tỷ đồng và các dự án CNTT khác là 1.731 tỷ đồng).

+ Đồng thời, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 196/2025/QH15 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán NSNN năm 2025, trong đó phê duyệt phương án bố trí ít nhất 3% cho ngân sách nhà nước năm 2025 cho nhiệm vụ về chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; đồng ý cân đối tiếp số dự toán năm 2025 tối đa **25.000 tỷ đồng** theo đề xuất của Chính phủ.

+ Kinh phí phục vụ triển khai Nghị quyết 214: ⁽¹⁾ *Đối với 12 CSDL trọng yếu: Có 05 CSDL đã đăng ký kinh phí năm 2025 với Bộ Khoa học và Công nghệ với tổng số tiền là 91,69 tỷ đồng*¹⁸. ⁽²⁾ *Đối với 116 CSDL theo Nghị quyết 71: Có 66 CSDL đã đăng ký kinh phí năm 2025 với Bộ Khoa học và Công nghệ với tổng số tiền là 1.092,5 tỷ đồng*¹⁹.

1.5.2. Về nguồn nhân lực:

- Nền tảng MOOC (*Nền tảng giáo dục trực tuyến do Đại học Bách khoa Hà Nội triển khai*) được các bộ, ngành, địa phương hưởng ứng triển khai sử dụng rộng rãi với hơn 500 nghìn cán bộ, công chức các cấp truy cập gần 40 triệu lượt để tham gia các khóa học do Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ), Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ xây dựng.

- Nền tảng Bình dân học vụ số đã mở thành công 20 khóa học với các nội dung đa dạng về chuyển đổi số cùng số học viên tham dự đạt **399.912 học viên**, trong đó có 38.810 học viên học theo lớp và 316.013 học viên tự do. Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số cho sinh viên các cơ sở Giáo dục đại học (*Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30/5/2025*), đồng thời, chỉ đạo, điều phối 06 cơ sở Giáo dục đại học triển khai xây dựng học liệu, kịch bản sư phạm để đưa lên hệ thống LMS.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 phê duyệt Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045”.

- Bộ Nội vụ đã tham mưu các cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, chính sách nhằm thu hút, trọng dụng nhân tài cũng như hỗ trợ cán bộ làm công tác về chuyển đổi số nói chung²⁰.

¹⁸ Trong đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã duyệt hồ sơ và Bộ Tài chính đã cấp kinh phí **49,69 tỷ** cho 03 CSDL của 03 bộ ngành (CSDLQG về tài chính được cấp **20 tỷ**, CSDLQG về an sinh xã hội được cấp **9,69 tỷ**, CSDLQG về bản án, quyết định của Tòa án được cấp **20 tỷ**).

¹⁹ Trong đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt hồ sơ cho 05 Bộ tương ứng với 330,29 tỷ đồng. Bộ Tài chính cấp đủ **330,29 tỷ đồng**.

²⁰ **(1) Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024** quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó đã giao các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức

- Ngoài ra, các bộ, ngành, địa phương cũng chủ động tổ chức các khóa tập huấn, lớp đào tạo để bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ về công nghệ thông tin của cán bộ, công chức phục vụ cho tình hình phát triển hiện nay.

- UBND các địa phương đã tích cực bố trí nguồn lực chuyển đổi số với tổng số **3.054 cán bộ, công chức công nghệ thông tin**, trong đó **1.697 người** làm chuyên trách (55,6%) và **1.357 người** kiêm nhiệm (44,4%). Tổng mức đầu tư hiện tại **65.829,9 tỷ đồng**, ngân sách cho Chuyển đổi số là **28.894,5 tỷ đồng**.

1.5.3. Đánh giá

Nghị quyết số 57-NQ/TW yêu cầu ưu tiên nguồn lực quốc gia cho chuyển đổi số, trong đó đề ra chỉ tiêu bố trí ít nhất 3% ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và hạ tầng số hiện đại. Việc triển khai Đề án 06 đã huy động mạnh mẽ nguồn lực tài chính, nhân lực, bước đầu phục vụ xây dựng hạ tầng số thiết yếu, tạo điều kiện thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Việc bố trí nguồn lực mạnh mẽ cho Đề án 06 cho thấy quyết tâm chính trị cao trong hiện thực hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW. Lần đầu tiên, một tỷ lệ ngân sách cụ thể (3%) được ấn định cho chuyển đổi số, tạo dòng vốn ổn định cho các dự án CNTT quy mô lớn. Nhân lực chuyển đổi số các cấp được nâng cao năng lực, sẵn sàng đảm đương nhiệm vụ mới. Có thể thấy, Đề án 06 đã kích hoạt sự vào cuộc đồng bộ của nguồn lực quốc gia cho chuyển đổi số, đưa chủ trương của Đảng trong Nghị quyết số 57-NQ/TW trở thành hành động thực tiễn.

2. Kết quả, tiện ích đem lại cho người dân, doanh nghiệp và Chính phủ theo 05 nhóm tiện ích của Đề án 06

2.1. Nhóm tiện ích giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

2.1.1. Mục tiêu đề ra

Theo lộ trình Đề án 06 và các nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ **đề ra chỉ tiêu đến năm 2025**: 100% các dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật được thực hiện toàn trình; 50% dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% người dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp được định danh, xác thực điện tử, không xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được gắn số định danh cá nhân; 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải

thực hiện chính sách đối với người có tài năng quy định tại Nghị định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ; đồng thời ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách khác để thu hút, trọng dụng người có tài năng và quyết định việc thực hiện chính sách người có tài năng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. **(2) Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025** về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức. **(3) Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025** quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin, an ninh mạng. Theo Nghị định, người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin, an ninh mạng được hưởng mức hỗ trợ **5 triệu đồng/tháng**

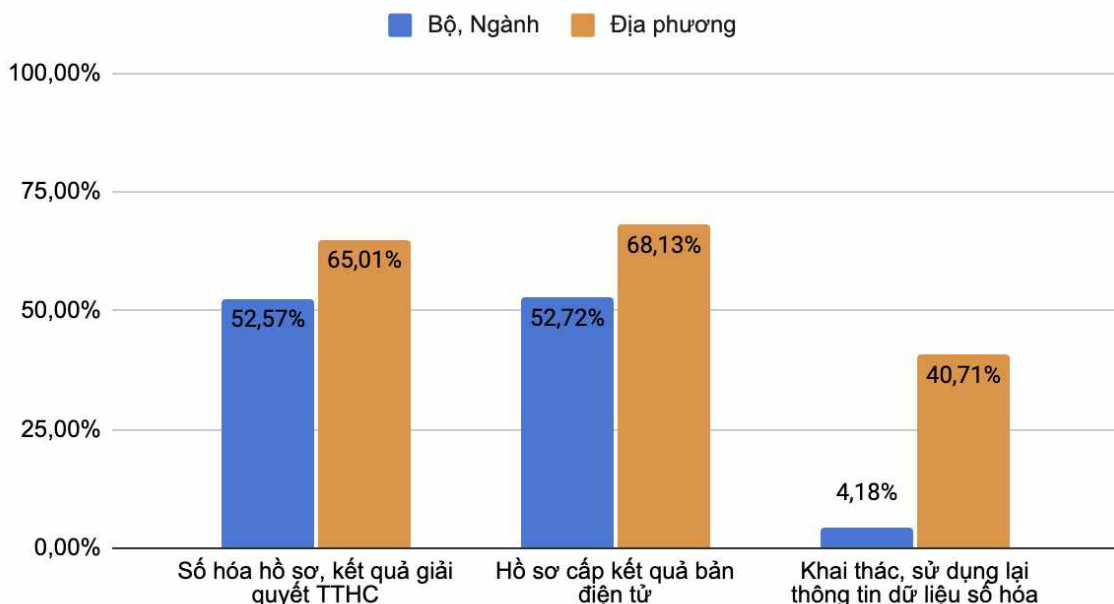
quyết thủ tục hành chính về cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, cấp căn cước công dân; 50% các thủ tục hành chính, giấy tờ của người dân liên quan đến dữ liệu dân cư được cắt giảm...

2.1.2. Giá trị mang lại cho người dân

Hàng năm, việc khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ công trên môi trường điện tử đã tiết kiệm cho nhà nước **2.505 tỷ đồng (riêng trong năm 2025, tổng số tiền tiết kiệm khi người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến khoảng 4.184 tỷ đồng)**. Tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa, thông tin của công dân tự cập nhật vào các tờ khai, đảm bảo thông tin chính xác, tiết kiệm chi phí sao in hồ sơ, kết quả giải quyết, hạn chế việc phải kiểm tra xác minh. Người dân không cần đi lại nhiều lần đến cơ quan hành chính, cắt giảm dần cán bộ tiếp dân, giảm tình trạng gập gở trực tiếp, góp phần hạn chế “tham nhũng vặt”.

Trong bối cảnh tinh gọn bộ máy hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã mang đến những thay đổi đột phá về tổ chức và giải quyết TTHC, cung cấp DVCTT, hướng tới việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Bộ phận Một cửa của nhiều bộ, ngành và Trung tâm Phục vụ hành chính công địa phương đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp; bố trí quầy tiếp nhận hồ sơ dành riêng cho người già, phụ nữ mang thai, người khuyết tật, người có công với cách mạng; bố trí ki-ốt thông minh hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả.

Tiến độ cải cách việc thực hiện TTHC



Trong giai đoạn hậu dịch bệnh, dịch vụ giảm tiếp xúc trực tiếp, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và hỗ trợ an sinh xã hội nhanh chóng, như xử lý hơn 1,4 triệu hồ sơ trực tuyến chỉ trong tháng 02/2025.

Cổng dịch vụ công quốc gia đã kết nối, tích hợp với **151** hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị; có **4.788 TTHC** đã tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hơn **33,9 triệu** giao dịch thanh toán trực tuyến thành công; trong đó, cung cấp **59/75 dịch vụ công thiết yếu** theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024. Người dân có thể sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương, không phải tiếp xúc với cơ quan nhà nước, có thể thực hiện các TTHC ở bất cứ đâu với mức phí, lệ phí ưu đãi. Một số dịch vụ công nổi bật:

- Tập đoàn điện lực Việt Nam là một trong những đơn vị đầu tiên hoàn thành kết nối **100%** dịch vụ lên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt mức độ 4. Đến nay, đã có **94,21%** khách hàng thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt với số tiền tương ứng trên **98,02%** số thu tiền điện. Giảm chi phí đi lại cho khách hàng, tiết kiệm chi phí in ấn, bảo quản, lưu trữ tài liệu với gần **20 triệu** trang hồ sơ/năm về dịch vụ và hợp đồng mua bán; **760 triệu** trang giấy/năm cho việc in hóa đơn, đã tiết kiệm được trên **30 tỷ đồng/năm**.

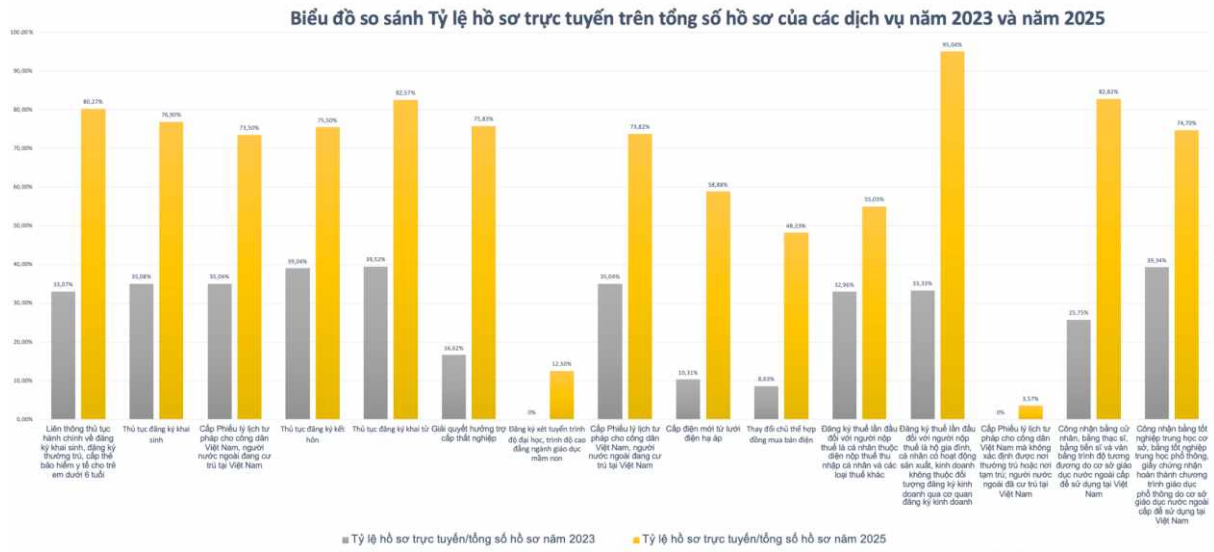
- Đối với dịch vụ công Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng: Đã tổ chức dưới hình thức đăng ký trực tuyến. Trong **04 năm** triển khai, đã có tổng số **4.255.702** thí sinh thực hiện, với **96,7%** thí sinh đăng ký theo hình thức trực tuyến. **Giá trị mang lại:** Riêng đối với việc đăng ký thi trực tuyến, đã tiết kiệm **trên 200 tỷ đồng** kinh phí mua hồ sơ, ảnh thẻ cho học sinh, sinh viên, cha mẹ không phải nghỉ làm để nộp hồ sơ; giảm thiểu áp lực với an toàn giao thông trong thời gian cao điểm. Có **2.866.397** hồ sơ xét tuyển trình độ đại học, cao đẳng (*đạt tỷ lệ 100%*). Phối hợp khai thác, sử dụng thông tin về cư trú phục vụ kiểm tra, xác nhận về ưu tiên vùng cho **1,2 triệu** thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học, cao đẳng từ năm 2023 ²¹.

- Đối với dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” đã tiếp nhận **971.054** hồ sơ, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 21 ngày làm việc xuống còn 04 ngày, giảm hồ sơ, giấy tờ phải chuẩn bị (*từ 03 mẫu đơn thành 01 mẫu đơn; các thông tin dân cư được tự động điền; giảm giấy tờ trùng lặp của thủ tục,...*), giảm thời gian, chi phí đi lại thực hiện thủ tục, tiết kiệm được 15,6 tỷ đồng. Dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú – trợ cấp mai táng phí” đã tiếp nhận **285.954** hồ

²¹ **Cắt giảm tối thiểu 20% thủ tục:** Bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao/xuất trình Sổ hộ khẩu, Giấy xác nhận thông tin về cư trú (Người dân không còn phải đi lại giữa các cơ quan để xin giấy xác nhận, công chứng. Ví dụ, trong quy trình xét tuyển đại học, đã cắt giảm được ít nhất 3-4 bước thủ tục, tương đương 50-70% quy trình cũ); Tích hợp nhiều thủ tục vào một (việc đăng ký thi và đăng ký xét tuyển được thực hiện trên cùng một nền tảng, tạo sự liền mạch); **cắt giảm 20% chi phí cho người dân:** Tiết kiệm chi phí in ấn, photocopy, công chứng (với khoảng 1 triệu thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT mỗi năm, việc không phải in và công chứng hồ sơ đã tiết kiệm cho xã hội hàng chục tỷ đồng); **Tiết kiệm chi phí đi lại** (Người dân ở vùng sâu, vùng xa không còn phải di chuyển hàng chục, hàng trăm km ra trung tâm để nộp hồ sơ, giúp tiết kiệm chi phí xăng xe, ăn ở); **Tiết kiệm thời gian** (thay vì mất vài ngày làm việc để hoàn tất hồ sơ, người dân chỉ mất khoảng 15-30 phút để thực hiện trực tuyến tại nhà. Thời gian này có thể được dùng cho lao động, sản xuất, tạo ra giá trị kinh tế); **Giảm rủi ro, sai sót** (quy trình tự động giảm thiểu sai sót do điền tay, giúp người dân không phải tốn thời gian, chi phí để sửa chữa, bổ sung hồ sơ).

sơ, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 25 ngày xuống còn 10 ngày làm việc, tiết kiệm được 1,6 tỷ đồng.

(Có phụ lục 03 chi tiết gửi kèm)



Một số địa phương có những bước đột phá như: **Thành phố Hà Nội là địa phương dẫn đầu cả nước thực hiện phương án “ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính”** với hơn 600 thủ tục được thực hiện ủy quyền từ Thành phố về các sở, ngành; từ các sở, ngành về cho UBND các quận, huyện, thị xã và UBND cấp xã, thời gian ủy quyền tiếp tục tới hết năm 2025. **Tỉnh Bình Dương và Đồng Nai** đã tận dụng lại dữ liệu đất đai đã được số hóa để cắt giảm các TTHC trong lĩnh vực cư trú, người dân không cần phải đính kèm các giấy tờ chứng minh nhân thân, tình trạng, chỗ ở hợp pháp, tiết kiệm chi phí, thời gian, công sức đi lại cho người dân. Nhiều địa phương (*Gia Lai, Vĩnh Long, Lào Cai, Đắk Lắk,...*) phối hợp với Bộ Công an, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Ngân hàng BIDV triển khai Đại lý dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến qua Dịch vụ bưu chính công ích

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến có hiệu lực từ 01/12/2023 và áp dụng đến hết năm 2025 với mức giảm phí, lệ phí từ 10% đến 50%. **Có 25 địa phương** đã ban hành chính sách thu phí 0 đồng khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Dự kiến Ngân sách không thu sẽ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khoảng 37 tỷ đồng/năm khi thực hiện.

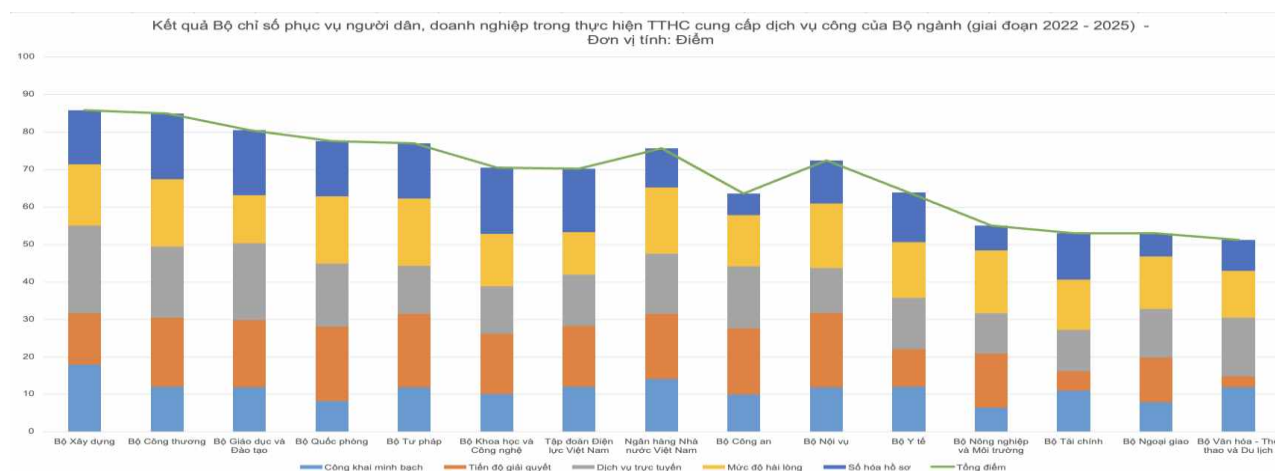
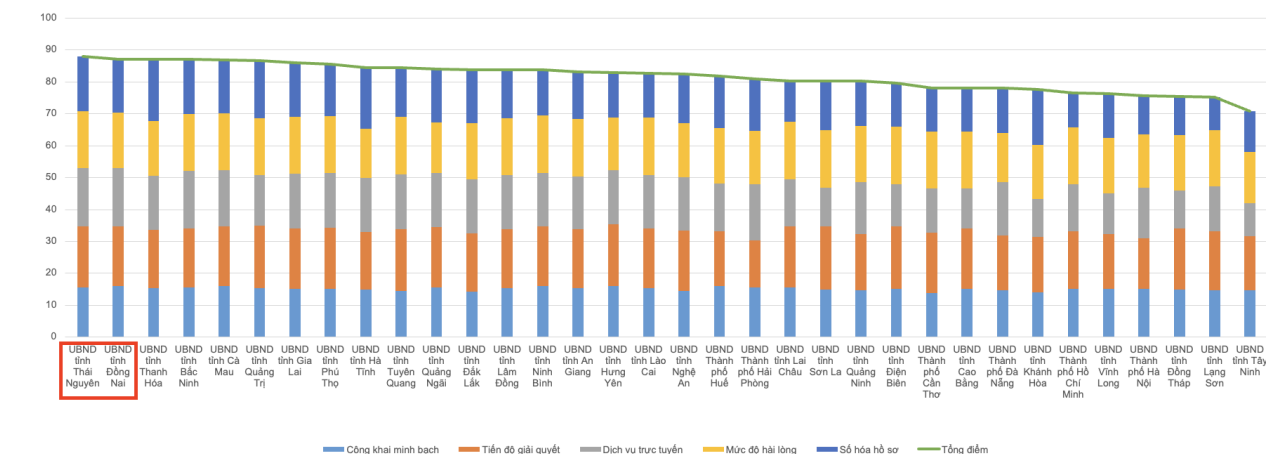
2.1.3. Giá trị mang lại cho doanh nghiệp

- Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử²² được Văn

²² Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

phòng Chính phủ đưa vào hoạt động từ ngày 01/8/2022 với 05 nhóm chỉ số²³ giúp kiểm soát thực thi, các đơn vị có thể được thụ hưởng chất lượng cung cấp TTHC, dịch vụ công trực tuyến ngày càng tốt. (Có Phụ lục số 04 chi tiết gửi kèm)

Kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC cung cấp dịch vụ công của UBND các địa phương (giai đoạn 2022 - 2025) - Đơn vị tính: Điểm



- Dịch vụ công trực tuyến tạo môi trường kinh doanh bình đẳng và hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số. Doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh hoặc cấp phép chỉ trong vài giờ thay vì hàng tuần, tiết kiệm chi phí nhân sự và đi lại.

- Thủ tục liên thông điện tử hỗ trợ xuất nhập khẩu, thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt, giúp doanh nghiệp tập trung vào hoạt động cốt lõi. Việc hồ sơ xử lý trực tuyến, doanh nghiệp sẽ giảm gánh nặng hành chính, tăng năng suất lao động và khả năng cạnh tranh quốc tế, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.4. Giá trị mang lại cho Chính phủ và cơ quan nhà nước

- Dịch vụ công trực tuyến hỗ trợ Chính phủ chuyển từ quản lý truyền thống sang quản lý dữ liệu hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động và minh bạch hóa quy trình.

²³ Gồm: (i) Công khai, minh bạch; (ii) Tiến độ, kết quả giải quyết; (iii) Số hóa hồ sơ; (iv) Cung cấp dịch vụ trực tuyến; (v) Mức độ hài lòng.

Tăng cường minh bạch và chống tham nhũng: Hồ sơ được xử lý công khai trên hệ thống, hạn chế "tham nhũng vặt" và nhũng nhiễu. Kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tạo ra dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", hỗ trợ phân tích chính sách và an sinh xã hội.

- Giảm tải tiếp nhận hồ sơ giấy tờ, cho phép cán bộ tập trung vào công việc nâng cao chất lượng xử lý hồ sơ, góp phần vào mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, như trong việc sắp xếp đơn vị hành chính dẫn đến giảm các công việc hành chính.

- Bên cạnh đó, Văn phòng Chính phủ đã phối hợp Văn phòng Trung ương Đảng, Thành ủy Hà Nội và các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thành kết nối kỹ thuật giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng; đã cung cấp **04 dịch vụ công trực tuyến của Đảng** trên Cổng dịch vụ công quốc gia (liên quan đến: chuyển sinh hoạt đảng chính thức, tạm thời; đóng đảng phí; lấy ý kiến nhận xét của chi bộ nơi cư trú).

2.1.6. Đánh giá

Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển Chính phủ số, năm 2024, Đề án 06 đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, góp phần hiện đại hóa phương thức quản trị quốc gia và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Cổng Dịch vụ công Quốc gia được mở rộng, kết nối 151 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương, cung cấp 4.788 thủ tục hành chính trực tuyến, trong đó có 58/75 dịch vụ công thiết yếu. Việc tích hợp định danh điện tử VNeID làm phương thức đăng nhập thống nhất, cùng với việc cắt giảm 1.027/1.084 thủ tục hành chính và vận hành Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo thời gian thực, đã giúp nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả quản lý, giảm đáng kể thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

Những kết quả trên đã tác động trực tiếp đến chỉ số Online Service Index (OSI) – một trong ba cấu phần của bộ chỉ số về Chính phủ điện tử (EGDI) do Liên hợp quốc đánh giá. Việt Nam đáp ứng 9–10/12 tiêu chí OSI, đặc biệt ở các nhóm về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3–4, định danh điện tử, liên thông dữ liệu, phản hồi công dân và giám sát trực tuyến, ước tính đóng góp 0,18–0,25 điểm OSI, tương ứng tăng 2–3 bậc xếp hạng EGDI toàn cầu năm 2024. Với những gì đã đạt được, Đề án 06 đã khẳng định vai trò hình mẫu tiên phong của Việt Nam trong chuyển đổi số khu vực công, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển Chính phủ số, Chính phủ thông minh, đồng thời được các tổ chức quốc tế ghi nhận là một trong những mô hình có tốc độ cải thiện chỉ số EGDI nhanh hàng đầu khu vực, tiệm cận nhóm quốc gia dẫn đầu như Hàn Quốc, Đan Mạch.

2.2. Nhóm tiện ích về phát triển kinh tế, xã hội

2.2.1. Mục tiêu đề ra

Các nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đề ra đến năm 2025: Kinh tế số chiếm **20% GDP**; theo lộ trình Đề án 06, cần tập trung khai thác, sử dụng thông tin dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện hệ sinh thái các ứng dụng, bảo đảm mọi giao dịch điện tử trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội được xác thực chính xác, an toàn bằng dữ liệu dân cư và yếu tố sinh trắc học; **tăng cường truy thu thuế cho Nhà nước; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt** trên các lĩnh vực; **60%** người dân được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân. **Ứng dụng dữ liệu dân cư, thẻ Căn cước gắn chip và VNeID vào các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, viễn thông, điện, nước... cho phép mở tài khoản, ký hợp đồng, thanh toán điện tử... bằng định danh điện tử.**

2.2.2. Kết quả đạt được:

Tính đến hết năm 2024, tỷ trọng kinh tế số ước đạt **18,3% GDP**, tốc độ tăng trưởng vượt **20%/năm**, cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP, nhanh nhất Đông Nam Á; thương mại điện tử bán lẻ đạt doanh thu **25 tỷ USD**, tăng khoảng **20%**. Việt Nam thuộc top 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử hàng đầu thế giới. Tốc độ tăng trưởng thanh toán không dùng tiền mặt hàng năm tăng hơn **50%**, dẫn đầu Đông Nam Á. Đặc biệt trong giai đoạn 04 năm triển khai Đề án 06 cơ cấu nền kinh tế số Việt Nam tăng mạnh, khả năng cao **20%** đáp ứng mục tiêu của Chính phủ đề ra. Trong đó, các nhóm cốt lõi của nền kinh tế số mang lại hiệu quả tích cực từ đề án 06, theo thống kê của Cục Thống kê – Bộ Tài chính; Xét theo kinh tế số ngành, lĩnh vực, Đề án 06 góp phần đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp vào doanh thu của các sản phẩm, dịch vụ kinh tế số hoặc góp phần tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp 24.500 tỷ đồng.

2.2.3. Giá trị mang lại cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước:

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp trong Đề án 06, đặc biệt là ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân gắn chip và định danh điện tử VNeID, đã từng bước thay đổi phương thức cung cấp dịch vụ công và tương tác số giữa Nhà nước – người dân – doanh nghiệp. Định danh điện tử trở thành nền tảng cốt lõi giúp rút ngắn quy trình thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý, thúc đẩy cung cấp dịch vụ theo hướng “không giấy tờ – không tiếp xúc – không chờ đợi”.

Tính đến nay, nhiều lĩnh vực trụ cột đã ghi nhận chuyển biến rõ rệt: hành chính công chuyển dần sang môi trường số; người dân được khám chữa bệnh bằng CCCD thay thế thẻ BHYT; học sinh – sinh viên đăng ký tuyển sinh, thi cử và xác minh hồ sơ qua dữ liệu dân cư; doanh nghiệp sử dụng eKYC, đối soát điện tử để tiết giảm chi phí và phòng chống gian lận. Trong giao thông, thu phí không dừng, vé điện tử, xác thực chủ phương tiện đang từng bước mở rộng. Những tác động

này không chỉ mang lại lợi ích trực tiếp cho người dùng cuối mà còn tạo động lực cải cách, hiện đại hóa hoạt động quản lý nhà nước trên phạm vi toàn quốc.

(chi tiết tại Phụ lục số 05 gửi kèm)

(1) Trên lĩnh vực ngân hàng, đóng góp khoảng 4.000 tỷ đồng vào tỷ trọng tăng thêm của kinh tế số:

- 57 tổ chức tín dụng và 39 tổ chức trung gian thanh toán đã tích hợp xác thực sinh trắc học bằng CCCD; 63 tổ chức triển khai nhận diện tại quầy, 32 tổ chức tích hợp VNeID (19 đơn vị đã vận hành chính thức); kết quả đạt được: 132,4 triệu hồ sơ khách hàng được đối chiếu sinh trắc học qua CCCD hoặc VNeID, 62 triệu tài khoản được làm sạch. Việc dùng CCCD thay thẻ ATM giúp các ngân hàng tiết kiệm khoảng 50.000 đồng/thẻ. Việc đối soát sinh trắc học giúp giảm 59% số vụ lừa đảo, tiết kiệm trung bình 10.000 đồng/giao dịch – tương đương 1.300 tỷ đồng/năm.

- Thanh toán không dùng tiền mặt được thúc đẩy rộng khắp toàn quốc với 100% cơ sở khám chữa bệnh triển khai thanh toán điện tử (chuyển khoản, quét QR, ví điện tử, thẻ ngân hàng), tạo thuận lợi cho người dân khi khám chữa bệnh. Các cơ sở giáo dục đã tích hợp thanh toán học phí trực tuyến trên nền tảng quản lý học sinh và cổng thanh toán ngân hàng, đồng thời cho phép thanh toán lệ phí xét tuyển qua Cổng dịch vụ công quốc gia và ứng dụng VNeID, giúp phụ huynh dễ dàng theo dõi, nộp học phí nhanh chóng, an toàn. 86% người hưởng lương hưu, trợ cấp thất nghiệp nhận qua tài khoản cá nhân (vượt 26% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao), tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại.

- Giải pháp chấm điểm tín dụng đa nguồn dữ liệu giúp VPBank và FE Credit đánh giá chính xác khả năng trả nợ, giảm rủi ro nợ xấu.

(2) Trong lĩnh vực y tế, đóng góp khoảng 1.175 tỷ đồng vào tỷ trọng tăng thêm của kinh tế số với: Nền tảng điều phối dữ liệu y tế đã liên thông dữ liệu của 373 cơ sở khám chữa bệnh, hình thành hơn 5 triệu bệnh án điện tử. Hệ thống giúp cơ quan quản lý giám sát dịch tễ, kiểm soát chi phí quỹ BHYT, giảm 2–3% thất thoát quỹ, tiết kiệm 500–1.000 tỷ đồng/năm; người dân được sử dụng thẻ Căn cước công dân (CCCD) thay thế thẻ BHYT giấy tại 12.455 cơ sở khám chữa bệnh, tiết kiệm chi phí in ấn khoảng 24,7 tỷ đồng/năm. Hơn 364 triệu lượt dữ liệu khám chữa bệnh được gửi lên hệ thống, trong đó gần 179 triệu lượt tra cứu thành công, giúp người dân tra cứu nhanh tình trạng khám chữa bệnh qua VNeID. Bên cạnh đó, 500 kiosk đăng ký khám bệnh bằng sinh trắc học được triển khai tại 488 bệnh viện, giúp người bệnh tiết kiệm 10–15 phút chờ đợi, giảm 30–50% nhân lực phục vụ đăng ký khám. Có **1138/1650** bệnh viện toàn quốc triển khai bệnh án điện tử (chiếm **69%**).

(3) *Trong lĩnh vực bảo hiểm*, đã triển khai công nghệ xác thực sinh trắc học trên thẻ căn cước công dân tại các bệnh viện giúp giảm quy trình **4 bước**²⁴ rút gọn xuống còn **2 bước** do đã kết hợp xác thực sinh trắc và tra cứu thẻ Bảo hiểm y tế, thời gian trung bình xác thực sinh trắc chỉ **từ 06 giây đến 13 giây/ 01 lượt** thực hiện, giúp cơ sở y tế tiết kiệm nguồn nhân lực, chỉ cần bố trí 01 cán bộ y tế tại tất cả các quầy xác thực. Qua triển khai giải pháp xác thực sinh trắc, đã phát hiện 03 trường hợp sử dụng thẻ căn cước công dân trục lợi bảo hiểm với số tiền hơn 200 triệu đồng

(4) *Trong lĩnh vực giao thông, đóng góp khoảng 8.900 tỷ đồng* : ứng dụng xác thực CCCD trong; người dân được hưởng dịch vụ thu phí điện tử không dừng tại 163 trạm trên toàn quốc, tiết kiệm thời gian và chi phí di chuyển; Ứng dụng sinh trắc học tại 18 sân bay cho gần **1,2 triệu lượt khách** làm thủ tục nhanh (3–5 giây).

(5) *Trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo, đóng góp khoảng 1.600 tỷ đồng*: Nền tảng “Bình dân học vụ số” đã đào tạo hơn 203.000 học viên (công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên) hoàn toàn miễn phí, giảm 80% chi phí đào tạo truyền thống, góp phần nâng cao trình độ số trong đội ngũ lao động.

(6) *Trên lĩnh vực khoa học công nghệ, viễn thông, đóng góp khoảng 6.200 tỷ đồng* : Đối với các nhà mạng viễn thông, làm sạch 132,7 triệu thuê bao, chuẩn hóa thông tin và loại bỏ tình trạng “sim rác”, giảm rủi ro khi đăng ký dịch vụ ngân hàng hoặc ví điện tử, thu ngân sách 199 tỷ đồng; Công ký số tập trung VNeID tiết kiệm 41.000–170.000 đồng/hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý 15–60 phút/hồ sơ, tiết kiệm khoảng 2.000–10.000 tỷ đồng/năm cho khối cơ quan và doanh nghiệp.

(7) *Trong lĩnh vực tài chính, thuế, đóng góp khoảng 2.500 tỷ đồng*: Bộ Tài chính đã triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền từ 01/4/2023. Đến nay có 246.700 tổ chức, cá nhân kinh doanh tham gia, phát hành 2,63 tỷ hóa đơn (10.643 hóa đơn/CSKD), thu hơn 1.900 tỷ đồng tiền thuế, góp phần chống thất thu ngân sách. Thanh toán không dùng tiền mặt trong thu – chi ngân sách đạt tỷ lệ gần tuyệt đối: 99,84% thu, 99,64% chi; riêng Kho bạc Nhà nước đã tự động thanh toán 5.448 tỷ đồng tiền điện nước và 643 tỷ đồng viễn thông cho 35.291 đơn vị.

2.2.6. Giá trị mang lại đối với các Doanh nghiệp đồng hành

Triển khai Đề án 06 không chỉ góp phần thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia mà còn mở ra thị trường mới cho các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam. Dữ liệu dân cư, căn cước công dân gắn chip và định danh điện tử VNeID đã trở thành nền tảng để hình thành nhiều dòng sản phẩm – dịch vụ mới, giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường, tăng trưởng doanh thu và khẳng định vai trò trong hệ sinh thái kinh tế số. Căn cứ trên các báo cáo của một số doanh nghiệp đã cung cấp, kết hợp

²⁴ Lấy số thứ tự bằng căn cước công dân gắn chip, thẻ bảo hiểm y tế. Qua bộ phận hướng dẫn để thông tin thủ tục. Đến bộ phận tiếp đón để xuất trình thẻ Bảo hiểm Y tế, căn cước công dân để cán bộ kiểm tra. Phân luồng vào khám chữa bệnh.

phân tích thị trường theo nhóm giải pháp, ước tính doanh thu toàn bộ các doanh nghiệp đồng hành cùng Đề án 06 trong giai đoạn 2022–2025 đạt khoảng 2.500 tỷ đồng, tập trung ở bốn nhóm sản phẩm chủ lực, được minh họa qua một số ví dụ tiêu biểu sau:

(1) *Nhóm giải pháp chính quyền điện tử, dịch vụ công (ước ~50% tổng doanh thu – tương đương 1.250 tỷ đồng)*: Doanh nghiệp cung cấp các nền tảng chia sẻ dữ liệu (LGSP), hệ thống tích hợp định danh vào cổng dịch vụ công, kiosk hành chính công, giải pháp làm sạch dữ liệu chuyên ngành... (VD: Viettel triển khai hệ thống kết nối CSDL dân cư với 12 lĩnh vực, nền tảng xác thực và tích hợp định danh điện tử cho hơn 29 địa phương, ghi nhận doanh thu khoảng 760 tỷ đồng; VNPT triển khai 550 kiosk dịch vụ công, doanh thu khoảng 60 tỷ đồng; FPT cung cấp nền tảng định danh và thiết bị định danh điện tử cho các trung tâm hành chính công tại nhiều tỉnh, thành phố).

(2) *Nhóm giải pháp tài chính – ngân hàng – thanh toán số (ước ~30% tổng doanh thu – tương đương 750 tỷ đồng)*: Các doanh nghiệp phát triển dịch vụ xác thực danh tính điện tử (eKYC), tích hợp định danh, xác thực qua thẻ Căn cước vào giao dịch tài chính, ngân hàng và ví điện tử. (VD: FPT ghi nhận doanh thu ~95 tỷ đồng từ các sản phẩm FPT.IDCheck, FPT.IDReader; EPAY cung cấp dịch vụ xác thực điện tử cho ngân hàng, fintech và bảo hiểm, doanh thu đạt ~61,6 tỷ đồng; VNPT triển khai dịch vụ VNPT eKYC với doanh thu ~3,3 tỷ đồng). Các sản phẩm này giúp giảm thời gian xác thực, hạn chế gian lận, đồng thời mở ra thị trường cung cấp API định danh, thiết bị đọc Căn cước cho hàng trăm tổ chức tài chính.

(3) *Nhóm giải pháp y tế số – khám chữa bệnh bằng CCCD (ước ~15% tổng doanh thu – tương đương 375 tỷ đồng)*: Doanh thu đến từ cung cấp kiosk y tế thông minh, phần mềm quản lý tiếp đón bệnh nhân, xác thực BHYT bằng thẻ Căn cước và kết nối hồ sơ sức khỏe điện tử. (VD: TAG triển khai 500 kiosk tại hơn 350 cơ sở y tế, xử lý hàng triệu lượt khám/năm, góp phần tiết kiệm thời gian và tăng hiệu quả vận hành bệnh viện; HDBank với chương trình tài trợ 1.001 kiosk MediPay, đến 8/2025 đã lắp đặt 220 kiosk tại 188 bệnh viện, chiếm khoảng 17% bệnh viện công trên toàn quốc; Viettel và VNPT triển khai hệ thống khám chữa bệnh bằng thẻ Căn cước tại hàng trăm bệnh viện và trạm y tế, tích hợp thông tin BHYT, định danh bệnh nhân tự động). Việc định danh điện tử trong y tế giúp giảm thủ tục, ngăn chặn trục lợi BHYT và là tiền đề triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử.

(4) *Nhóm giao thông thông minh – thu phí không tiền mặt (ước ~5% tổng doanh thu – tương đương 125 tỷ đồng)*: Doanh thu đến từ triển khai bãi đỗ xe thông minh, vé điện tử tích hợp VNeID, nhận diện phương tiện – chủ xe qua CSDL dân cư. Điển hình như VETC triển khai mô hình thu phí bãi đỗ tại 300 điểm, ghi nhận doanh thu ~4,65 tỷ đồng; Viettel ePass triển khai 270 bãi đỗ xe, tỷ lệ thanh toán không tiền mặt đạt >95%, doanh thu ước đạt hàng chục tỷ đồng. Các sản phẩm này giúp giảm thất thoát thu thuế, minh bạch hóa doanh thu bãi đỗ, đồng thời là tiền đề để xây dựng nền tảng Giao thông thông minh trên VNeID.

Tổng thể, các doanh nghiệp đồng hành với Đề án 06 đã hình thành hàng loạt sản phẩm mới như: eKYC, xác thực định danh, kiosk y tế – hành chính, thiết bị đọc CCCD, nền tảng chia sẻ dữ liệu, camera AI, dịch vụ thu phí không tiền mặt... Các sản phẩm này không chỉ mang lại doanh thu trực tiếp mà còn góp phần thúc đẩy hình thành thị trường kinh tế số dựa trên dữ liệu định danh điện tử – một trụ cột quan trọng của chuyển đổi số quốc gia.

2.2.7. Đánh giá

Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định chuyển đổi số là động lực trọng tâm thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững kinh tế – xã hội. Triển khai Đề án 06 đã góp phần hiện thực hóa chủ trương này, thúc đẩy ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong hầu hết các lĩnh vực trọng yếu như tài chính, an sinh xã hội, y tế, giáo dục, giao thông, viễn thông và an ninh trật tự. Qua đó, nền kinh tế trở nên minh bạch hơn, hiệu quả quản trị công được nâng cao, phúc lợi xã hội được bảo đảm tốt hơn, và kinh tế số đóng góp ngày càng thực chất vào GDP quốc gia.

Các kết quả đạt được đã tạo tác động rõ rệt đến chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI), đặc biệt là các cấu phần Online Service Index (OSI) và Institutional Framework (IF). Trong lĩnh vực tài chính – thuế, việc triển khai hóa đơn điện tử từ máy tính tiền với hơn 2,63 tỷ hóa đơn đã tăng cường tính công khai, minh bạch trong giao dịch, liên thông dữ liệu giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý, thúc đẩy thanh toán điện tử và nâng cao hiệu quả thu ngân sách. Trong lĩnh vực an sinh xã hội, việc chi trả cho hơn 2,22 triệu đối tượng bảo trợ và 675 nghìn người có công qua tài khoản ngân hàng, cùng với tích hợp dữ liệu an sinh – tài chính – định danh công dân trên nền tảng VNeID, đã hình thành hệ sinh thái chi trả số toàn diện, bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả. Ở các lĩnh vực thiết yếu khác như y tế, giáo dục, giao thông, viễn thông, ngân hàng và bảo hiểm, việc định danh và xác thực điện tử toàn dân thông qua Căn cước công dân gắn chip và VNeID đã tạo nền tảng dữ liệu dùng chung, thúc đẩy phát triển dịch vụ công thông minh, liên thông đa ngành và củng cố hạ tầng định danh số quốc gia.

Những kết quả trên ước tính đóng góp khoảng 0,15–0,20 điểm OSI cho EGDI năm 2024, đồng thời trực tiếp hỗ trợ thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW về nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), chỉ số phát triển con người (HDI) và năng lực cạnh tranh số quốc gia. Đây là tiền đề quan trọng để Việt Nam bứt phá trở thành nước thu nhập cao vào năm 2045 theo tầm nhìn của Đảng.

2.3. Nhóm tiện ích phát triển công dân số

2.3.1. Mục tiêu đề ra

Tại các nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và lộ trình Đề án 06 là đến năm 2025: **100% công dân** được tạo lập danh tính điện tử;

xác thực 100% thông tin thiết yếu, quan trọng trên VneID hoặc qua thẻ căn cước công dân gắn chip (*thông tin tiêm chủng, xét nghiệm, giấy phép lái xe, đăng ký xe...*), **từng bước thay thế các giấy tờ** của công dân trong một số giao dịch theo quy định của pháp luật; cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ thương mại phục vụ tiện ích số của công dân trên ứng dụng VneID, như: Dịch vụ cư trú, căn cước công dân, thương mại điện tử, thanh toán điện tử và các dịch vụ khác; phần đầu đạt trên **40 triệu** tài khoản người dùng trên ứng dụng VNeID; **50%** dân số có tài khoản thanh toán điện tử; **80%** dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; **tỷ lệ dân số từ 15 tuổi** trở lên có giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khai thác đạt **80%**; **Tỷ lệ dân số trưởng thành** có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân **đạt trên 50%**; cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ thương mại phục vụ tiện ích số của công dân trên ứng dụng định danh điện tử...

2.3.2. *Giá trị mang lại cho người dân, doanh nghiệp và nhà nước*

(1) *Công cụ số cho người dân, doanh nghiệp được phổ cập rộng rãi*

- Bộ Công an đã **cấp hơn 87 triệu** thẻ Căn cước công dân (CCCD) gắn chip cho người đủ điều kiện trên toàn quốc và phê duyệt **67 triệu tài khoản VNeID** (vượt 225% chỉ tiêu Chính phủ giao). Đồng thời, Bộ Công an đã tiếp nhận hơn 1,6 triệu hồ sơ và phê duyệt tài khoản định danh cho hơn **780 nghìn tổ chức, doanh nghiệp** trên toàn quốc gắn với tài khoản mức độ 2 của người đại diện, giúp giao dịch minh bạch, khẳng định danh tính, tăng uy tín của doanh nghiệp trong cung cấp dịch vụ; tối ưu quy trình điện tử, tiết kiệm thời gian, công sức; đồng thời, giúp đồng bộ dữ liệu cơ quan, tổ chức trên cả nước giúp tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành, rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục hành chính. Đảm bảo minh bạch trong tiếp nhận và trả hồ sơ đúng hạn. Đã có **86,97%** người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản ngân hàng (*vượt 6,97% so với chỉ tiêu Chính phủ giao*), cấp **20 triệu** chứng thư chữ ký số (*đạt 33%*). 39,52% dân số được tiếp cận mạng 5G.

(2) *Kỹ năng số của người dân* được nâng cao với 20 khóa học về chuyển đổi số trên nền tảng Bình dân học vụ số với 578.536 lượt tham gia qua đó tỷ lệ người dân thực hiện TTHC trực tuyến được nâng cao gấp 9 lần. Triển khai 93.524 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương để hướng dẫn người dân thực hiện kỹ năng số.

(3) *Các tiện ích để khuyến khích người dân tham gia môi trường số được đẩy mạnh:* Ứng dụng định danh điện tử quốc gia (VNeID) đã được tích hợp **50 tiện ích** với hơn **500 triệu lượt truy cập** (trung bình 1,5 triệu lượt/ngày), phục vụ trực tiếp nhu cầu tra cứu, khai thác dịch vụ công của người dân. **Một số tiện ích nổi bật:** Chính thức triển khai trên toàn quốc Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID – chuyển đổi số vì sức khỏe người dân Việt Nam từ ngày 02/10/2024 với trên 26 triệu thông tin công dân trên Sổ sức khỏe điện tử, người dân có thể theo dõi tình trạng sức khỏe của mình một cách thường xuyên, liên tục, bên cạnh đó, người dân cũng có thể mua thuốc trực tuyến tại các nhà thuốc lớn (*Long Châu, Pharmacity, An Khang*) thông qua ứng dụng VNeID; Việc triển khai cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID với hơn 1 triệu hồ sơ, giúp giảm

số lượng công dân đến Sở Tư pháp, ước tính tiết kiệm khoảng 10 tỷ đồng cho người dân chi phí đi lại và yêu cầu cấp phiếu. Giảm thiểu các yếu tố phục vụ tại trụ sở cơ quan nhà nước, tiết kiệm khoảng hơn 40 tỷ đồng/năm. Giải pháp định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất, tiền chất (VNIDCheck) trên nền tảng VNeID giúp người dân dễ dàng truy xuất thông tin minh bạch về sản phẩm, nhận diện tình trạng hàng giả, hàng nhái và thực hiện phản ánh, cảnh báo trên nền tảng VNeID, góp phần bảo vệ sức khỏe cho người dân. Dịch vụ liên quan đến thuế ghi nhận hơn **25 triệu lượt đăng nhập** cá nhân và **59 nghìn lượt đăng nhập** tổ chức, doanh nghiệp. Cá nhân, tổ chức có thể tra cứu mã số thuế, ngày cấp, cơ quan quản lý, trạng thái hoạt động... ngay trên ứng dụng VNeID, giảm đáng kể thời gian và chi phí đi lại.

(Có Phụ lục số 06 chi tiết gửi kèm)

(4) Bên cạnh những tiện ích được thụ hưởng, công dân cũng có nghĩa vụ cung cấp, cập nhật thông tin để phối hợp với cơ quan nhà nước thực hiện số hóa, làm sạch dữ liệu. Điển hình trong số đó là việc người dân tự cung cấp xác thực thông tin đất đai và cập nhật tình trạng hôn nhân trên ứng dụng VNeID. Qua đó, thông tin sẽ thường xuyên được làm sạch, tránh các trường hợp sai sót trong quá trình số hóa của cơ quan nhà nước.

(5) Với tính năng tố giác tội phạm trên ứng dụng VNeID, người dân có thể báo tin bảo đảm nhanh chóng, bí mật, thay vì phải đến trực tiếp cơ quan Công an thì chỉ với chiếc điện thoại được kết nối mạng internet. Điều này, không chỉ giúp người dân tiết kiệm thời gian, công sức, mà hiệu quả từ việc xử lý những tin báo tố giác tội phạm từ VNeID cũng được nâng cao hơn rất nhiều, góp phần đấu tranh, phòng, chống hiệu quả các loại tội phạm.

(6) Thụ hưởng các tiện ích của Đề án 06, 34 địa phương đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan triển khai có hiệu quả 44 mô hình điểm để thúc đẩy Đề án 06 cũng như Chuyển đổi số trên địa bàn. Đặc biệt, với kinh nghiệm triển khai của UBND thành phố Hà Nội, 33 địa phương còn lại đã đăng ký, triển khai thành công 19 mô hình điểm thúc đẩy Đề án 06 trên địa bàn, đem lại cho người dân nhiều tiện ích, điển hình như: Đã triển khai thu phí không dùng tiền mặt tại 352 điểm đỗ xe, bãi đỗ xe tĩnh. Sau một khoảng thời gian triển khai đã đem lại cho người dân “3 tăng – 3 giảm” (*tăng chất lượng dịch vụ, tăng tính minh bạch, công khai hoạt động thu phí, tránh hiện tượng “chặt chém”, tăng niềm tin của người dân; giảm thời gian, thủ tục hành chính và nhân lực*), ước tính tiết kiệm cho người dân khoảng 10,2 tỷ đồng/năm. Đây là một trong những công nghệ góp phần xây dựng hệ thống giao thông thông minh, hướng tới Thủ đô thông minh trong tương lai; Phát triển các ứng dụng công dân số của từng địa phương (*HueS, iHanoi, Điện Biên Smart, ứng dụng công dân số TP.HCM,...*) đã giúp người dân có thể trực tiếp tương tác với chính quyền các cấp trên nền tảng số với rất nhiều tiện ích.

2.3.4. Đánh giá

Công dân số là chủ thể, đồng thời là mục tiêu của chuyển đổi số, phát triển công dân số là thước đo thành công của chuyển đổi số quốc gia. Do đó, phát triển

công dân số thông qua cấp danh tính số, kỹ năng số và khuyến khích sử dụng dịch vụ số là nhiệm vụ then chốt để Nghị quyết số 57-NQ/TW thành công. Năm bắt được vấn đề này, Đề án 06 đã tập trung xây dựng hạ tầng danh tính điện tử quốc gia và thúc đẩy người dân tham gia vào môi trường số. Những kết quả từ Đề án 06 nêu trên chính là tiền đề để phát triển xã hội số, công dân số mà Nghị quyết 57-NQ/TW đặt ra cho năm 2030. Trên nền tảng cơ bản này, người dân Việt Nam đang dần trở thành công dân số thực thụ, sẵn sàng tham gia mọi hoạt động trên không gian mạng. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn tạo thị trường người dùng số lớn mạnh, thúc đẩy các dịch vụ đổi mới sáng tạo phát triển. Đây chính là nguồn lực, động lực chính mà Nghị quyết số 57-NQ/TW nhấn mạnh: người dân vừa là trung tâm phục vụ, vừa là chủ thể tham gia chuyển đổi số.

2.4. Tạo lập dữ liệu, kết nối, xác thực và chuẩn hóa dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu khác

2.4.1. Mục tiêu đề ra

Theo lộ trình của Đề án 06/CP: tập trung **hoàn thành kết nối** với các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành **đã có** để “làm sạch” bảo đảm giải quyết các thủ tục phục vụ công dân chính xác và thuận lợi. Đối với bộ, ngành đang triển khai, xây dựng cơ sở dữ liệu cần trao đổi, thống nhất với Bộ Công an trong việc triển khai, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để triển khai bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Năm 2023 và các năm tiếp theo phải bảo đảm tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương bảo đảm thông suốt, hoạt động hiệu quả.

2.4.2. Giá trị mang lại cho người dân

Việc đồng bộ, kết nối và khai thác dữ liệu đã được số hóa từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã mang lại rất nhiều tiện ích số cho người dân

100% địa phương trên toàn quốc đã hoàn thành số hóa hơn 107 triệu dữ liệu hộ tịch và 2.360/3.321 xã phường đã hoàn thành số hóa cơ sở dữ liệu địa chính với 49,7 triệu thửa đất được đưa vào vận hành. Qua đó, người dân khi thực hiện các TTHC liên quan đến lĩnh vực đất đai hay hộ tịch không cần phải nộp hoặc xuất trình giấy tờ Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hay các loại giấy tờ về nhân thân, nơi cư trú giúp tiết kiệm thời gian, chi phí, giảm tiếp xúc trực tiếp với cơ quan hành chính, giảm thiểu các thủ tục hành chính rườm rà. Ngoài ra, thông tin của người dân khi có thay đổi sẽ được tự động đồng bộ sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, giúp công dân thực hiện các thủ tục “một lần khai – dùng nhiều lần”.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và số hóa 28 triệu hồ sơ điện tử của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý; trong đó 24,3 triệu hồ sơ đã được đồng bộ sang CSDL quốc gia về dân cư. Nhờ đó, phụ huynh và học sinh có thể tra cứu,

cập nhật hồ sơ, chuyển trường hoặc đăng ký học dễ dàng hơn trên môi trường điện tử mà không cần nộp lại hồ sơ giấy.

2.4.3. Giá trị mang lại cho tổ chức, doanh nghiệp

Các bộ, ngành và các tổ chức, doanh nghiệp được hưởng lợi ích rất lớn từ việc chia sẻ thông tin, liên thông, xác thực dữ liệu giữa các đơn vị với nhau

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối với 15 bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 03 doanh nghiệp viễn thông và 34 địa phương, phục vụ làm sạch dữ liệu và làm giàu CSDL dân cư, Hệ thống đã tiếp nhận 2.126.255.426 yêu cầu tra cứu, xác thực thông tin. Qua đó tiết kiệm một khoản tiền rất lớn cho các đơn vị trong công tác xác thực, làm sạch dữ liệu, trong đó, điển hình là:

+ 100,2 triệu thông tin nhân khẩu của Cơ sở dữ liệu về bảo hiểm đã kết nối và xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trong đó có khoảng **91 triệu** người đang tham gia, thụ hưởng BHXH, BHYT, BHTN, chiếm 99,23% tổng số người tham gia.

+ 95% thông tin mã số thuế của người dân, doanh nghiệp thuộc quản lý của Bộ Tài chính đã được chuẩn hóa và làm sạch.

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn thành đối soát 82.061 dữ liệu tàu cá, trong đó có 69.532 dữ liệu chủ tàu cá có thông tin số định danh (CCCD) trùng với Số định danh (CCCD) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; phối hợp Bộ Xây dựng làm sạch 105.000 dữ liệu thuyền viên.

Đồng thời, Bộ Công an trong quá trình xác thực, làm sạch dữ liệu cũng có thể làm giàu cho chính Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

- Cơ sở dữ liệu hóa chất, kết nối kỹ thuật với Bộ Công an trên nền tảng VNeID (VNIDCheck), hiện đang quản lý 452.426 sản phẩm thương mại, 12.974 doanh nghiệp kinh doanh hóa chất, 175.321 danh mục hóa chất và 1.109 giấy phép hạn chế. Việc này minh bạch chuỗi cung ứng, xây dựng uy tín thương hiệu và tránh thiệt hại từ hàng giả. Doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận các chính sách ưu đãi thuế, mở rộng thị trường xuất khẩu và cạnh tranh lành mạnh.

2.4.4. Giá trị mang lại cho Chính phủ, cơ quan nhà nước

Với việc kết nối, liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành, cơ quan quản lý được cung cấp nền dữ liệu thống nhất, đồng bộ, góp phần nâng cao năng lực điều hành, giám sát, và hoạch định chính sách dựa trên dữ liệu thực tế.

Với hơn 2,4 triệu hồ sơ được số hóa trong CSDL cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ, Chính phủ và cơ quan quản lý của các địa phương có thể quản lý đội ngũ nhân sự công vụ thống nhất, giúp ích rất nhiều trong công tác triển khai phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện, xã, và mô hình chính quyền hai cấp.

2.4.5. Đặc biệt, ngày 23/7/2025, Chính phủ phê duyệt Nghị quyết 214/NQ-CP về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, đến nay đã đạt được những kết quả tích cực:

- Đối với 11 CSDL quốc gia theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW và 01 CSDL của Toà án nhân dân tối cao: 07 CSDL²⁵ đã có nền tảng và CSDL được hình thành tập trung, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định; 02 CSDL²⁶ chưa có nền tảng và CSDL tập trung; dữ liệu đã có một phần nhưng mới chỉ được số hóa, chưa được tạo lập theo đúng quy trình nghiệp vụ; 03 CSDL²⁷ chưa thống nhất phạm vi; chưa có chủ trương đầu tư, hợp đồng; chưa triển khai, xây dựng trên thực tế

- Đối với 116 CSDL được giao theo Nghị quyết 71/NQ-CP: 32 CSDL²⁸ đã có nền tảng và CSDL được hình thành tập trung; 58 CSDL²⁹ đang triển khai, bước đầu xây dựng nền tảng, phần mềm dùng chung; 15 CSDL³⁰ đang/chưa triển khai, có nguy cơ cao không đảm bảo tiến độ hoàn thành trong năm 2025

2.4.6. Đánh giá

Nghị quyết số 57-NQ/TW coi dữ liệu là tài sản chiến lược, yêu cầu “làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính”. Đề án 06 đã tập trung thiết lập được cơ chế liên thông dữ liệu quy mô quốc gia, xây dựng hạ tầng kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành và làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu nhằm tạo nền tảng cho Chính phủ số và kinh tế dữ liệu. Lần đầu tiên, các bộ, ngành đã kết nối hệ thống của mình với nền tảng định danh điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên toàn quốc. Những kết quả về dữ liệu của Đề án 06 đang giải quyết trực tiếp vấn đề Nghị quyết số 57-NQ/TW nêu ra: Dân khắc phục tình trạng manh mún, cát cứ dữ liệu; Hình thành hệ sinh thái dữ liệu quốc gia kết nối thông suốt; dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, dùng chung, thống nhất” giúp ra quyết định nhanh và chính xác hơn, nâng cao năng lực quản trị đất nước. Từ nay đến 2030, khi các cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng (dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, y tế, giáo dục...) được hoàn thiện và kết nối đồng bộ, Việt Nam sẽ có nền tảng dữ liệu vững chắc để phát triển kinh tế dữ liệu và Chính phủ số nằm trong nhóm 50 nước hàng đầu. Đề án 06 đã tạo tiền đề quan trọng để Nghị quyết số 57-NQ/TW đạt mục tiêu đó.

²⁵ CSDL Hộ tịch điện tử (Bộ Tư pháp); CSDL quốc gia về đất đai (Bộ Nông nghiệp và môi trường); CSDL bản án, quyết định Toà án (Toà án nhân dân tối cao); CSDL quốc gia về tài chính (Bộ Tài chính); CSDL quốc gia về xây dựng (Bộ Xây dựng); CSDL ngành Giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo); CSDL hàng hóa (hóa chất, tiền chất) (Bộ Công thương).

²⁶ CSDL quốc gia về an sinh xã hội (Bộ Nội vụ); CSDL thanh tra thu nhập tài sản (Thanh tra Chính phủ)

²⁷ CSDL ngành Y tế (Bộ Y tế); CSDL ngành nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); CSDL xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp chuyển sang Bộ Công an)

²⁸ Bộ Công an 12 CSDL; Bộ Tài chính 08 CSDL; Ngân hàng Nhà nước 04 CSDL; Tòa án nhân dân tối cao 01 CSDL/HTTT; Văn phòng Chính phủ 01 CSDL; Tập đoàn điện lực Việt Nam (thuộc Bộ Công Thương) 01 CSDL; Bộ Tư pháp 02 CSDL; Bộ Nội vụ 01 CSDL; Bộ Tư pháp chuyển Bộ Công an 01 CSDL; Bộ Khoa học và Công nghệ 01 CSDL.

²⁹ Bộ Công an 04 CSDL; Bộ Tài chính 06 CSDL; Bộ Dân tộc và Tôn giáo 01 CSDL; Bộ Nội vụ 06 CSDL; Bộ Nông nghiệp và Môi trường 09 CSDL; Bộ Tư pháp 02 CSDL; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 03 CSDL; Bộ Xây dựng 06 CSDL; Bộ Y tế 10 CSDL; Bộ Giáo dục và Đào tạo 05 CSDL; Bộ Khoa học và Công nghệ 05 CSDL; Bộ Công thương 01 CSDL

³⁰ Bộ Công an 01 CSDL; Bộ Khoa học và Công nghệ 01 CSDL; Bộ Tư pháp 01 CSDL (chuyển Bộ Công an); Bộ Y tế 02 CSDL; Bộ Ngoại giao 01 CSDL; Bộ Nội vụ 03 CSDL; Bộ Nông nghiệp và Môi trường 03 CSDL; Bộ Xây dựng 03 CSDL.

2.5. Nhóm tiện ích Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp

2.5.1 Mục tiêu đề ra đến năm 2025

Tổng hợp, phân tích, dự báo các thông tin đã được làm giàu qua việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu khác để phục vụ việc điều hành Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoạch định chính sách kinh tế, xã hội; đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân và nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp. Tích hợp với hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bảo đảm liên thông, nhanh chóng, hiệu quả theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhu cầu của các bộ, ngành, địa phương và tổ chức, doanh nghiệp.

2.5.2. Giá trị mang lại cho Chính phủ, các cơ quan nhà nước

(1) Bộ Công an đã kết nối 06 nhóm thông tin dân cư với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ và tiếp tục nâng cao chất lượng, tần suất cập nhật. Trong giai đoạn 2022–2025, dữ liệu dân cư được phân tích, khai thác giúp Chính phủ ban hành nhiều chính sách quan trọng: ⁽¹⁾ Hỗ trợ Bộ Y tế phân luồng tiêm vắc xin Covid-19, tránh lãng phí. ⁽²⁾ Cung cấp số liệu độ tuổi học sinh cho Bộ GD&ĐT bố trí giáo viên, xây dựng trường học. ⁽³⁾ Xác định hơn 42.000 công dân trên 100 tuổi cho Hội Người cao tuổi thực hiện chế độ chính sách. ⁽⁴⁾ Phối hợp Cục Thống kê công bố mốc dân số 100 triệu người và ứng dụng dữ liệu dân cư trong điều tra dân số. ⁽⁵⁾ Hỗ trợ Bộ Nội vụ sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết 35/2023, gắn với bố trí nhân lực và hạ tầng. ⁽⁶⁾ Cung cấp số liệu lao động hưởng hỗ trợ thuê nhà theo Quyết định 08/2022 cho Bộ Nội vụ, đảm bảo chi trả đúng người, đúng đối tượng sau dịch Covid-19. ⁽⁷⁾ Phân tích dữ liệu dân cư theo từng tỉnh, Thành phố để làm căn cứ tặng quà cho toàn dân nhân dịp kỷ niệm 80 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 với số tiền trên 10.356 tỷ đồng.

2.5.3. Đánh giá

Theo đúng định hướng của Nghị quyết 57 là phát triển chính phủ số dựa trên dữ liệu, Đề án 06 đã kết nối 06 nhóm thông tin dữ liệu dân cư với Trung tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ giúp hình thành hạ tầng dữ liệu số dùng chung toàn quốc. Bên cạnh đó, dữ liệu lao động, học sinh, dân số... được phân tích giúp các bộ, ngành bố trí nhân lực, cơ sở hạ tầng hợp lý, giảm lãng phí, tăng hiệu quả đầu tư công là bước đi cụ thể hiện thực hóa mục tiêu tăng năng suất lao động, tối ưu hóa quản trị xã hội bằng công nghệ số mà Nghị quyết 57 đề ra. Kết quả phục vụ chỉ đạo điều hành của Đề án 06 không chỉ giải quyết các vấn đề trước mắt cuối năm 2022 (dịch Covid-19, an sinh, dân số) mà còn thể hiện rõ giá trị lâu dài đối với Nghị quyết 57. Nó chứng minh rằng dữ liệu dân cư và hạ tầng số quốc gia là “nguồn lực chiến lược”, vừa phục vụ công tác điều hành hiệu quả, vừa mang lại

lợi ích trực tiếp cho người dân, qua đó hiện thực hóa các trụ cột chính phủ số – kinh tế số – xã hội số của Ban Chỉ đạo Trung ương tại Nghị quyết 57.

3. Xây dựng tạo lập dữ liệu và chuyển đổi số cho hệ thống chính trị

3.1. Xây dựng tạo lập dữ liệu và chuyển đổi số cho Đảng

Thực hiện Chỉ thị số 51/NQ-TW ngày 08/8/2025 của Ban Bí thư, Bộ Công an đã triển khai thu nhận, đổi thẻ Đảng viên cho Ban Tổ chức Trung ương, đến nay, đã thu nhận 5,2 triệu hồ sơ đề nghị cấp đổi Thẻ đảng viên (*chiếm 96,08% trong 5.5 triệu đảng viên*), cấp 4,5 triệu thẻ Đảng, đảm bảo trả thẻ Đảng cho các đơn vị phục vụ tổ chức Đại hội đúng thời gian, kịp thời.

Bên cạnh đó, Bộ Công an đã phối hợp Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương xây dựng phần mềm “*Theo dõi tiến trình Đại hội Đảng bộ các cấp*”, giúp các cơ quan cấp trên nắm bắt trực tuyến tiến độ, kết quả Đại hội của các đơn vị, thay thế phương thức báo cáo giấy, góp phần hiện đại hóa công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong hệ thống Đảng. Có văn bản gửi Ban Tổ chức Trung ương cung cấp số liệu và đề nghị phương án kết nối, chia sẻ, thống nhất các trường thông tin Đảng viên phục vụ công tác chuyên môn (*Công văn số 4699/BCA-C06 ngày 17/10/2025*).

3.2. Xây dựng tạo lập dữ liệu và chuyển đổi số cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể

Bộ Công an đã hỗ trợ các tổ chức, đoàn thể thu thập dữ liệu, quản lý đoàn viên, hội viên trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nổi bật là: Thu thập, cập nhật thông tin 6,99 triệu dữ liệu hội viên Hội nông dân; 4,51 triệu dữ liệu hội viên Hội người cao tuổi; 2,23 triệu dữ liệu hội viên Hội cựu chiến binh; 1,74 triệu dữ liệu hội viên Hội chữ thập đỏ; 1,6 triệu dữ liệu hội viên Hội người có công; 41,96 triệu dữ liệu hội viên Hội người lao động.

Bộ Công an đã phối hợp *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* triển khai giải pháp ủng hộ cứu trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão, lũ qua ứng dụng VNeID: Qua thống kê kết quả của 03 ngân hàng (*MBBank, BIDV, Vietcombank*) đến nay đã ghi nhận số tiền ủng hộ là trên 177 tỷ đồng

3.3. Kiến tạo các tiện ích phục vụ chuyển đổi số cho Quốc hội

Trên ứng dụng VNeID, Bộ Công an đã triển khai tính năng Góp ý Hiến pháp trong tháng 4/2025 với hơn **20 triệu** lượt góp ý. Tích hợp Cổng pháp luật quốc gia từ ngày 07/11/2025, đây là kênh để công dân nắm bắt thông tin về tình hình ban hành các luật, nghị quyết của Quốc hội, đồng thời cho ý kiến nhanh chóng trên Cổng pháp luật. Bên cạnh đó, phương án lập danh sách cử tri dựa trên dữ liệu dân cư, hiện thị khu vực bỏ phiếu trên VNeID và thông tin người ứng cử trên VNeID cũng được đưa vào sử dụng để phục vụ công tác chuyển đổi số trong cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

3.3. Giá trị mang lại

Việc tạo lập dữ liệu cho Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể mang lại giá trị to lớn cho nhiều mặt đời sống, kinh tế, xã hội, cụ thể: **(i) Văn minh xã hội:** ⁽¹⁾ Người dân được tiếp cận, quản lý, sử dụng, bảo vệ dữ liệu cá nhân dễ dàng. ⁽²⁾ Các Bộ, ngành, cơ quan tổ chức xác định chính xác nhóm đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, đảm bảo đúng người, đúng đối tượng. **(ii) Phát triển kinh tế số:** ⁽¹⁾ Từ dữ liệu, phát triển hệ thống chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. ⁽²⁾ Hệ thống số hóa tập trung giúp các cơ quan, tổ chức đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu, giảm kinh phí, thời gian, công sức. **(iii) Phục vụ an ninh, chính trị:** Hỗ trợ bầu cử các cấp...

4. Kết quả an sinh xã hội

(1) Bộ Công an với vai trò là cơ quan Thường trực triển khai Đề án 06 của Chính phủ, đã phối hợp, đôn đốc Bộ Nội vụ (trước đây là Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành các văn bản triển khai hiệu quả việc chi trả trợ cấp an sinh xã hội đến đối tượng hưởng chính sách bằng hình thức không dùng tiền mặt, điển hình như: Công điện số 01/CĐ-LĐTBXH ngày 12/01/2024; Công văn số 388/LĐTBXH-CNTT ngày 22/01/2024 và Công văn số 1923/BLĐTBXH-TTCNTT ngày 09/5/2024, Kế hoạch số 486/KH-TCTTKĐA ngày 11/8/2025.

(2) Kết quả chi trả an sinh: Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg, ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thúc đẩy chuyển đổi số trong thực hiện an sinh xã hội không dùng tiền mặt, tính từ tháng 01/2023 đến nay, **100%** các tỉnh/thành phố đã thực hiện chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng, cụ thể:

+ Đối tượng bảo trợ xã hội: tổng số đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp thường xuyên thuộc ngành quản lý là **3.813.435 người**; số đối tượng đã thực hiện rà soát là **3.761.062 người**; số đối tượng đã có tài khoản, mong muốn chi trả không dùng tiền mặt là **2.371.906 người** (*chiếm tỷ lệ 62,20%*); số đối tượng đã được chi trả qua tài khoản là **2.227.416 người** (*chiếm tỷ lệ 58,41%*). Tổng kinh phí đã thực hiện chi trả **trên 15.375 tỷ đồng**.

+ Đối tượng người có công với cách mạng: tổng số đối tượng hưởng chính sách người có công thường xuyên thuộc ngành quản lý là **1.044.489 người**; số đối tượng đã thực hiện rà soát là **1.038.947 người**; số đối tượng đã có tài khoản mong muốn chi trả không dùng tiền mặt là **717.836 người** (*chiếm tỷ lệ 68,73%*); số đối tượng đã được chi trả qua tài khoản là **675.803 người** (*chiếm tỷ lệ 64,70%*); Tổng kinh phí đã thực hiện chi trả **trên 25.981 tỷ đồng**.

(3) Bộ Công an phối hợp với 05 ngân hàng (*Vietinbank, BIDV, Vietcombank, Agribank, MBbank*) triển khai tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID với hơn **17 triệu tài khoản** hưởng trợ cấp an sinh xã hội được tích hợp. Đặc biệt, Bộ Công an, tham mưu Chính phủ thực hiện chi trả tiền hỗ trợ nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80

năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9 qua tài khoản an sinh được tích hợp trên ứng dụng VNeID với số tiền hơn **526 tỷ đồng**.

(4) Bộ Công an đã triển khai giải pháp đánh giá điểm khả tín khách hàng vay dựa trên đa nguồn dữ liệu: triển khai thí điểm với 02 đối tác VPBank và FECredit với tổng số lượt truy vấn đạt 44.582 lượt. Việc truy xuất và đánh giá đa nguồn dữ liệu giúp các tổ chức tín dụng xác định chính xác khả năng trả nợ của khách hàng, giảm thiểu rủi ro nợ xấu, tăng hiệu quả quản lý tín dụng.

(5) Bên cạnh đó, tại Hội nghị tri ân người có công với cách mạng năm 2024 (được tổ chức vào ngày 23/7/2024), C06 đã tham mưu Lãnh đạo Bộ ra mắt ngân hàng gen (ADN) liệt sĩ chưa xác định được thông tin và thân nhân liệt sĩ, đây là giải pháp căn cơ để xác định danh tính cho các liệt sĩ. Kết quả đến nay, Bộ Công an đã phối hợp với Bộ Nội vụ tích cực triển khai thu thập hơn 63 nghìn mẫu ADN thân nhân liệt sĩ trên toàn quốc, trong đó đã đồng bộ hơn 22 nghìn mẫu vào Cơ sở dữ liệu Căn cước, **qua đối sánh dữ liệu, phát hiện, công nhận danh tính đối với 23 liệt sĩ**.

5. Các mặt công tác khác

5.1. Công tác tuyên truyền

(1) Bộ Công an đã phối hợp với Trung tâm tin tức - Ban Thời sự Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng phóng sự tuyên truyền về các nội dung triển khai Đề án 06, phát sóng trong chương trình Chuyển động 24h (*01 phóng sự/ tuần*), trên VTV1, VTVgo, các cơ quan báo đài và kênh thông tin khác của Bộ Công an... Phối hợp với Công ty Cổ phần Marketing Mặt Trời Vàng tuyên truyền Đề án 06 tại các địa phương dưới nhiều hình thức, như: đã phát 172 nghìn tờ rơi, tuyên truyền tại các màn hình lớn tại khoảng 12 nghìn lượt trong tháng máy, 1,79 triệu lượt tại các Sân bay và gần 2 nghìn lượt trong hệ thống các siêu thị Coop Mart và Lotte Mart trên toàn quốc.

(2) Bộ Khoa học và Công nghệ đã có văn bản gửi các doanh nghiệp thông tin di động hỗ trợ miễn phí dịch vụ tin nhắn SMS đối với một số nội dung triển khai Đề án 06 như: Thông báo trạng thái hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, gửi tin nhắn cho công dân phục vụ triển khai ứng dụng tài khoản định danh điện tử và các nội dung khác thuộc Đề án 06.

(3) Bộ Tài chính đã tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế là cá nhân kinh doanh thương mại điện tử, kê khai, nộp thuế trên ứng dụng tài khoản định danh điện tử; hướng dẫn nhà cung cấp nước ngoài tuân thủ pháp luật khi hoạt động kinh doanh tại Việt Nam trên các kênh truyền hình VTV1, VTC1, trang thông tin điện tử của ngành Thuế và trên báo, đài phát thanh.

(4) Thông tấn xã Việt Nam đã đưa hơn 1000 tin, bài tổng hợp và phân tích chuyên sâu, tọa đàm, ảnh thời sự, thông tin truyền hình, thông tin đồ họa... phổ biến Đề án 06, cung cấp cho các cơ quan báo chí trong và ngoài nước khai thác, sử dụng.

(5) Trong 4 năm, Đài Truyền hình Việt Nam đã phát sóng hơn 200 tin bài/phóng sự trong các Bản tin thời sự, Chương trình tin tức truyền truyền Đề án 06. Trong đó, nhiều chương trình đã có sức lan toả rộng rãi, đạt được hiệu quả truyền truyền cao, nhận được sự phản hồi tích cực của người dân, như: Chương trình Toạ đàm Đề án 06 - Bước đột phá chuyển đổi số quốc gia phát sóng trên kênh VTV1; Phóng sự Liên thông dữ liệu - Giải pháp quản lý thời công nghệ số phát sóng trên kênh VTV2; Chương trình An ninh và Cuộc sống - Thông tin cần biết khi bỏ sổ hộ khẩu phát sóng, trên kênh VTV2; Chương trình Cải cách hành chính - Chuyển đổi hộ khẩu giấy sang số phát sóng trên kênh VTV1...

5.2. Hợp tác quốc tế: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư lần đầu tiên được nhân bản mô hình chia sẻ kinh nghiệm hỗ trợ nước bạn Lào, ngày 30/7/2025 đã khai trương hệ thống đến nay, đã bàn giao trên 15 nghìn thẻ căn cước cho nước bạn Lào.

5.3. Hoạt động chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo

- Hệ thống quản lý Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia: Đã cài đặt triển khai trên hạ tầng thí điểm và thực hiện rà soát đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, bảo mật, ra mắt trang thông tin Quỹ (ndf.gov.vn) tại Lễ phát động triển khai Luật Dữ liệu. Sẽ tiếp tục phát triển, hoàn thiện tính năng phần mềm phục vụ triển khai đầy đủ hệ thống, đảm bảo đưa vào hoạt động thông suốt ngay khi thành lập cơ quan quản lý Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia.

- Sàn dữ liệu: đã tu chỉnh, hoàn thiện Đề án hoạt động sàn dữ liệu phục vụ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sàn dữ liệu. Đã triển khai thí điểm hệ thống Sàn dữ liệu và tổ chức kiểm tra an ninh an toàn thông tin

- Triển khai xây dựng phần mềm SuperApp phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số, công nghiệp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu, hỗ trợ các hoạt động thương mại dịch vụ,...: đã hoàn thiện giao diện ứng dụng, hiện đang tích hợp các tính năng phần mềm³¹, xây dựng theo hướng phát triển dữ liệu, phục vụ y tế số, xã hội số, công nghiệp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu, hỗ trợ các hoạt động thương mại dịch vụ.

- Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc hàng hoá là hệ thống cung cấp mã định danh hàng hóa duy nhất gắn với từng sản phẩm và doanh nghiệp theo chuẩn quốc tế GS1/W3C trên Cổng dịch vụ công quốc gia: sau khi phối hợp với Hiệp hội Dữ liệu quốc gia và các tổ chức, doanh nghiệp liên quan để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng mô hình, giải pháp đã được triển khai tại một số quốc gia tiên tiến trên thế giới, Bộ Công an đang hoàn thiện dự thảo Báo cáo lãnh đạo Bộ duyệt ký Tờ trình Chính phủ phê duyệt nghiên cứu, triển khai Đề án.

³¹ Đăng ký/đăng nhập, trang chủ (tương tác với các lĩnh vực chính: tài chính, y tế, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, logistic, việc làm, giáo dục); Chatbot với các kịch bản: trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ vay vốn; Thông tin cá nhân: vígiấy tờ, chia sẻ thông tin cá nhân

- Hệ thống quản lý nhà nước về dữ liệu: Đã triển khai được 06/06 dịch vụ³². Hoàn thành nâng cấp phần mềm với những tính năng mới như: tích hợp dịch vụ của VNeID, nâng cấp ngôn ngữ lập trình (Java), cài đặt tích hợp giải pháp bảo mật toàn diện cho cơ sở dữ liệu, kết hợp khả năng giám sát hoạt động và ngăn chặn truy cập trái phép (AVDF),....

III. Nhận xét đánh giá

1. Ưu điểm

Trong hơn bốn năm triển khai, Đề án 06 được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đạt được chuyển biến toàn diện trên các lĩnh vực thể chế, dữ liệu, hạ tầng, dịch vụ công và nhận thức xã hội (05 nhóm tiện ích của Đề án 06 cơ bản hoàn thành, trong đó có 03 chỉ tiêu vượt tiến độ Thủ tướng Chính phủ giao³³). Nổi bật là việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân và định danh điện tử “đúng, đủ, sạch, sống”, tạo nền tảng dùng chung cho phát triển Chính phủ số và kinh tế số. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình được mở rộng, giúp giảm thủ tục, thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính. Nhiều mô hình điểm sáng tạo được triển khai ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bình Dương... tạo lan tỏa, mang lại hiệu quả thực tế. Công tác chỉ đạo, điều hành được duy trì thường xuyên với hàng chục hội nghị, công điện, nghị quyết; các “điểm nghẽn” về pháp lý, dữ liệu, hạ tầng được tháo gỡ kịp thời. Các bộ, ngành chủ động phối hợp ban hành hướng dẫn kỹ thuật, định mức chi phí, chuẩn hóa hạ tầng số. Đặc biệt, Đề án đã huy động mạnh mẽ sự tham gia của khu vực tư nhân, hơn 30 doanh nghiệp, ngân hàng đồng hành cùng Bộ Công an và các bộ, ngành. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh, hơn 1.000 tin bài, chương trình phát sóng giúp nâng cao nhận thức xã hội về chuyển đổi số. Trung tâm Dữ liệu Quốc gia được khởi động, khẳng định vai trò nòng cốt của Đề án 06 trong chiến lược hạ tầng dữ liệu quốc gia. Các tiện ích như VNeID, nền tảng đấu giá tài sản, học vụ số, quản trị điều hành dữ liệu... chứng minh hiệu quả rõ rệt, góp phần xây dựng một Chính phủ điện tử minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

*(Có phụ lục số 07 đánh giá kết quả của Đề án 06 phục vụ
mục tiêu chung của Nghị quyết 57 gửi kèm)*

³² (1) Cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu; (2) Chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, quan trọng xuyên biên giới. Đang tiếp tục phối hợp với các đơn vị tư vấn liên quan nghiên cứu, hoàn thiện phần mềm, triển khai Hệ thống; (3) Dịch vụ tiếp nhận dữ liệu Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi; (4) Dịch vụ tiếp nhận dữ liệu Trị giá hàng hoá xuất nhập khẩu; (5) Dịch vụ tiếp nhận dữ liệu Chỉ số chứng khoán; (6) Dịch vụ tiếp nhận dữ liệu Thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác.

³³ 86% người hưởng lương hưu, trợ cấp thất nghiệp nhận qua tài khoản cá nhân (vượt 26% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao); phê duyệt **67 triệu tài khoản VNeID** (vượt 225% chỉ tiêu Chính phủ giao); **86,97%** người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản ngân hàng (vượt 6,97% so với chỉ tiêu Chính phủ giao),

2. Tồn tại, hạn chế

Còn 27 nhiệm vụ chậm tiến độ của Đề án 06, thuộc trách nhiệm của 11 Bộ, ngành. Tính đến tháng 11/2025, còn **04 chỉ tiêu giai đoạn**, chưa hoàn thành, cụ thể: thực hiện giải quyết TTHC toàn trình trên môi trường số, phải đạt 80% đến hết năm 2025 (*khối bộ mới đạt 39%; khối tỉnh đạt 16,9%*); Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 50% (mới đạt 33%); Các bộ ngành, địa phương chưa hoàn thiện hành lang pháp lý, văn bản quy định về việc gắn mã định danh cá nhân, tổ chức vào các giấy tờ, hồ sơ liên quan để đảm bảo tính duy nhất và giá trị pháp lý trong các hoạt động giao dịch của người dân, doanh nghiệp; Các dữ liệu khác chưa đảm bảo “*đúng, đủ, sạch, sống*” theo thời gian thực, dẫn tới mới chỉ phân tích được các chỉ số chỉ đạo điều hành từ CSDL quốc gia về dân cư và CSDL bảo hiểm.

Trước hết, một số văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiệp vụ chưa được cập nhật kịp thời, gây chậm tiến độ trong triển khai các tiện ích số. Cơ chế đầu tư và tài chính cho ứng dụng CNTT còn bất cập, chưa linh hoạt; cơ chế thuê dịch vụ số chưa rõ ràng, thiếu hướng dẫn về giá và thanh toán. Phối hợp liên ngành ở một số nơi chưa hiệu quả; vai trò người đứng đầu chưa phát huy đầy đủ; kỷ luật, kỷ cương hành chính và giám sát tiến độ còn lỏng lẻo. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành chưa đồng bộ. Một số địa phương vẫn còn tâm lý e ngại, thiếu quyết tâm, còn làm hình thức, dẫn đến tỷ lệ sử dụng thực tế dịch vụ công trực tuyến chưa cao. Ngoài ra, nguồn nhân lực công nghệ thông tin còn thiếu và yếu, nhất là ở cấp cơ sở; công tác đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu chưa tương xứng với yêu cầu; hạ tầng mạng, trung tâm dữ liệu cục bộ còn phân tán, tiềm ẩn rủi ro. Một số dự án dữ liệu lớn vẫn ở giai đoạn thử nghiệm, cần tiếp tục đầu tư hoàn thiện. Qua đánh giá, xác định có **05 điểm nghẽn chính**:

Một là về thể chế, tồn tại 03 điểm “**nghẽn**”: **(1)** Ban Chỉ đạo Trung ương đã định hướng mô hình giải quyết thủ tục hành chính tập trung, thống nhất, Bộ Khoa học Công nghệ đã ban hành hướng dẫn về kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, tuy nhiên, kiến trúc trên còn chưa rõ mối quan hệ của các Hệ thống cấp tỉnh hiện có với Hệ thống của các bộ, ngành và Công Dịch vụ công quốc gia khi đưa vào sử dụng Hệ thống tập trung; chưa xác định rõ Hệ thống nào sẽ thực hiện đối với các TTHC đặc thù của địa phương. Chưa có hướng dẫn tích hợp, kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung với Công Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, gắn với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia. Quy định tại Nghị định số 118 ngày 09/6/2025 của Chính phủ không còn phù hợp với mô hình kiến trúc mới. **(2)** Ngoài ra, ban chỉ đạo Trung ương đã có chỉ đạo về mô hình hợp tác “3 Nhà” (*Nhà nước dẫn dắt, doanh nghiệp triển khai thực tiễn, đặt đề và nhà trường, nhà khoa học giải đề*), tuy nhiên hiện nay Chính phủ chưa có quy định thống nhất để triển khai; Bộ Tài chính chưa ban hành về cơ chế tài chính đối với các nội dung chi trong mô hình hợp tác “3 Nhà”.

Việc này dẫn đến các Bộ, ngành không triển khai, hoặc triển khai nhưng không thống nhất, cản trở việc phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Hai là, về dữ liệu, các bộ ngành chưa xác định được CSDL cần ưu tiên làm trước, cơ sở dữ liệu làm sau, không nhận diện đúng dữ liệu nào là “dữ liệu gốc”, “dữ liệu chủ” dẫn đến có những trường thông tin được thu thập trùng lặp nhiều lần gây lãng phí, chưa xác định được dữ liệu nào có thể tái sử dụng, dữ liệu nào số hóa chỉ để đảm bảo công tác lưu trữ theo quy định của pháp luật để ưu tiên nguồn lực triển khai; Quá trình triển khai chưa rà soát kỹ các yêu cầu tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm thành phần hồ sơ TTHC và cắt giảm thủ tục hành chính, chưa có sự gắn kết giữa chủ quản cơ sở dữ liệu với đơn vị nghiệp vụ, giải quyết thủ tục hành chính, nguy cơ khi xây dựng xong cơ sở dữ liệu không đủ thông tin để cắt giảm thủ tục hành chính hoặc đủ thông tin, nhưng bị động chưa cắt giảm ngay thành phần hồ sơ TTHC.

Ngoài ra, các bộ ngành triển khai các cơ sở dữ liệu được phân về các cục nghiệp vụ khác nhau và do các đồng chí Lãnh đạo Bộ khác nhau chỉ đạo triển khai thực hiện, chưa có “kiến trúc sư trưởng” thống nhất, nguy cơ các cơ sở dữ liệu không kết nối, chia sẻ với nhau để tái sử dụng dữ liệu, không phát triển, xây dựng các nền tảng thống nhất, dùng chung.

Đối với 12 CSDL trọng yếu theo Kế hoạch số 02, vẫn còn **08 CSDL** chưa có nền tảng/ CSDL tập trung hoặc mức độ hoàn thiện thấp; Đối với 105 CSDL được giao theo Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 214/NQ-CP, mặc dù các Bộ, ngành đã cam kết sẽ hoàn thành trong năm 2025 tại hai cuộc họp với Tổ liên ngành, nhưng thực tế khảo sát cho thấy chỉ có **53/105** CSDL đã xây dựng và chỉ sử dụng nội ngành, chưa đảm bảo **“đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”** phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Ba là, về hạ tầng hiện nay, Bộ Công an đã chính thức đưa Trung tâm Dữ liệu Quốc gia vào vận hành từ ngày 19/8/2025, khắc phục tình trạng đầu tư hạ tầng dữ liệu manh mún, phân tán ở các bộ, ngành, địa phương, tạo ra nền tảng hạ tầng số tập trung, hiện đại, tiết kiệm và dùng chung cho toàn quốc. Tuy nhiên, các bộ ngành chưa xây dựng kế hoạch để di chuyển hạ tầng đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Đối với các địa phương chưa triển khai các trung tâm dữ liệu tại địa phương, hình thành các trung tâm dữ liệu vùng để kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, khai thác dữ liệu dùng chung phục vụ hoạch định chính sách, phát triển kinh tế xã hội và phát triển các khu công nghệ cao, công viên sản phẩm công nghệ số; Bên cạnh đó, các địa phương đầu tư, triển khai thiết bị đầu cuối còn manh mún, trùng lặp theo các dự án, các nghiệp vụ khác nhau gây trùng lắp, lãng phí, không hiệu quả; việc triển khai, làm chủ các công nghệ lõi như AI, Cloud, Big Data, 5G, Blockchain còn hạn chế, phụ thuộc nhiều vào nền tảng, mua bản quyền nước ngoài.

Bốn là, về an ninh, an toàn thông tin, hiện nay quy định pháp luật chưa thống nhất về cơ quan quản lý nhà nước về an ninh mạng; nhiều hệ thống của bộ, ngành và

địa phương chưa được đánh giá, phân loại, chưa triển khai các giải pháp bảo mật thiết bị đầu cuối, đồng thời các bộ, ngành, địa phương tập trung nhiều vào bảo vệ an ninh, an toàn hệ thống và chưa trú trọng triển khai các giải pháp về đảm bảo an ninh dữ liệu và các Trung tâm giám sát an toàn thông tin, an ninh dữ liệu.

Năm là, về nguồn lực triển khai

- Đối với kinh phí: hiện nay đại đa số các bộ ngành đều đăng ký ngân sách từ nguồn vốn chi thường xuyên. Tuy nhiên, nguồn vốn chi thường xuyên trong gói 25 nghìn tỷ tăng thu năm 2025 đã phân bổ hết, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính hướng dẫn phải chuyển sang đầu tư công, thủ tục cần nhiều thời gian. Bên cạnh đó, hiện nay chưa có quy định về cơ chế khoán hoặc cấp kinh phí trước cho các bộ, ngành triển khai thực hiện, khi hoàn thiện thủ tục thì cân đối, điều chỉnh bổ sung kinh phí hoặc nộp lại kinh phí đảm bảo phù hợp, tiết kiệm.

- Đối với nguồn lực về con người: Công dân số là cốt lõi, yếu tố quyết định, đầu vào của kinh tế số, xã hội số tuy nhiên chưa có các cơ chế khuyến khích về các lợi ích cụ thể của công dân số để tạo động lực thúc đẩy người dân, doanh nghiệp chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số;

(Chi tiết tại Phụ lục số 08 gửi kèm)

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên: (1) Quyết tâm chính trị chưa đủ mạnh, còn tâm lý e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm; (2) Thể chế, chính sách chưa theo kịp thực tiễn và tốc độ công nghệ; (3) Tổ chức thực hiện còn lúng túng, phối hợp chưa chặt chẽ, phân công nhiệm vụ chưa bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”; (4) Kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm, thiếu cơ chế kiểm tra giám sát và KPI để tạo động lực, áp lực hoàn thành nhiệm vụ; (5) Nguồn lực xã hội, hợp tác công - tư huy động chưa hiệu quả; tư duy hành chính vẫn tồn tại, chuyển đổi sang tư duy quản trị số còn chậm.

4. Bài học kinh nghiệm

Đề án 06 giai đoạn 2022-2025 đã đạt được nhiều kết quả toàn diện, tạo chuyển biến rõ nét trên các mặt thể chế, dịch vụ công, kinh tế - xã hội, dữ liệu và công dân số. Những thành tựu này khẳng định hiệu quả thiết thực của Đề án, đồng thời đóng góp quan trọng vào việc hiện thực hóa các mục tiêu, quan điểm của Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tuy nhiên, chặng đường phía trước đến năm 2030 còn nhiều nhiệm vụ cấp bách phải giải quyết. Chính phủ và các bộ, ngành cần rút ra các bài học kinh nghiệm từ giai đoạn đầu triển khai Đề án 06, cụ thể:

Một là, đảm bảo vai trò lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt từ cấp cao nhất: Thành công bước đầu của Đề án 06 phần lớn nhờ sự quan tâm sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06. Thủ tướng đã trực tiếp chủ trì nhiều hội nghị trực tuyến toàn quốc để kiểm điểm tiến độ Đề án

06 hàng tháng . Sự gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu Chính phủ và việc giao nhiệm vụ cụ thể cho các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng phụ trách từng mảng đã tạo động lực mạnh mẽ, huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc . Bài học là cần duy trì chế độ báo cáo, họp giao ban định kỳ và gắn trách nhiệm người đứng đầu các bộ, địa phương trong triển khai những nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm.

Hai là, phát huy sức mạnh tổng hợp, phối hợp liên ngành chặt chẽ: Đề án 06 có phạm vi rộng, nhiều nhiệm vụ liên quan nhiều bộ, ngành, địa phương cùng thực hiện. Thời gian qua, mô hình Tổ Công tác liên ngành (do Bộ trưởng Bộ Công an làm Tổ trưởng) đã phát huy hiệu quả, thường xuyên đôn đốc, kết nối các bộ, ngành tháo gỡ vướng mắc . Sự phối hợp đồng bộ giữa Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và các đơn vị chuyên môn khác giúp giải quyết nhanh các vấn đề kỹ thuật, pháp lý phát sinh. Bài học là cần duy trì cơ chế phối hợp liên ngành này trong dài hạn, mở rộng hợp tác công tư (đã có 33 doanh nghiệp, ngân hàng cùng đồng hành Bộ Công an thực hiện tiện ích Đề án 06) để tận dụng nguồn lực xã hội, chuyên gia công nghệ tham gia giải quyết các bài toán lớn.

Ba là, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ: Quan điểm xuyên suốt của Đề án 06 là “lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, vừa là mục tiêu vừa là động lực của chuyển đổi số” . Thực tế cho thấy các tiện ích được đón nhận là những tiện ích đem lại lợi ích thiết thực, giảm phiền hà cho người dân (như bỏ sổ hộ khẩu giấy, tích hợp giấy tờ vào VNeID ...). Bài học là mọi dịch vụ số triển khai cần đặt mình vào vị trí người dùng, đơn giản hóa giao diện, quy trình; tích cực tuyên truyền, hướng dẫn để người dân biết và sử dụng. Các địa phương nào làm tốt công tác tuyên truyền thì tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được dùng thực tế cao hơn hẳn . Ngược lại, nếu chỉ ban hành dịch vụ trên “phần mềm” mà thiếu hướng dẫn, khuyến khích, người dân sẽ không hưởng ứng, dẫn đến lãng phí. Do đó, phải coi trải nghiệm và sự hài lòng của người dân là thước đo quan trọng cho hiệu quả triển khai đề án.

Bốn là, Thể chế, chính sách phải đi trước, tạo nền móng vững chắc: Một bài học cốt yếu là nhiều nhiệm vụ Đề án 06 bị chậm do thiếu cơ sở pháp lý hoặc hướng dẫn kỹ thuật cụ thể (ví dụ: chậm ban hành Quy hoạch hạ tầng thông tin, Khung kiến trúc Chính phủ điện tử 3.0... gây lúng túng trong lập dự án đầu tư hạ tầng số). Do đó, cần rút kinh nghiệm chủ động hoàn thiện các văn bản pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật ngay từ đầu. Đặc biệt, sau khi Luật CCCD sửa đổi và Nghị định 59/2022/NĐ-CP về định danh và xác thực điện tử đã có hiệu lực, phải cập nhật ngay các quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu thủ tục hành chính tại các bộ, ngành cho phù hợp, tránh tình trạng luật cho phép dùng giấy tờ điện tử nhưng thực tế cán bộ vẫn yêu cầu bản giấy do quy trình cũ chưa sửa . Bên cạnh đó, việc bố trí nguồn kinh phí kịp thời cũng là yếu tố quyết định: Quốc hội và Chính phủ đã rút kinh nghiệm, năm 2025 đã bố trí ít nhất 3% ngân sách chi cho chuyển đổi số, đây là thông điệp mạnh mẽ để các đơn vị có nguồn lực để triển khai nhiệm vụ. Bài

học là cần đảm bảo nguồn lực tài chính, con người tương xứng, ban hành các chính sách thu hút nhân tài công nghệ vào khu vực công, có cơ chế phối hợp với tư nhân để tận dụng nguồn lực xã hội cho các dự án chuyển đổi số lớn.

Năm là, Triển khai có trọng tâm, trọng điểm, phân công nhiệm vụ đảm bảo 6 rõ “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền” và có cơ chế kiểm tra, đôn đốc: Thực tế nhiều nhiệm vụ Đề án 06 không thể hoàn thành đồng loạt cùng lúc, cần xác định ưu tiên theo giai đoạn. Việc Chính phủ chọn Hà Nội và 05 thành phố lớn làm hình mẫu triển khai đầu tiên đã tạo sức lan tỏa tốt. Đồng thời, việc đề ra các mục tiêu ngắn hạn cụ thể, hoàn thành theo từng tháng giúp thúc đẩy tiến độ. Bài học là trong giai đoạn tới, cần tiếp tục chia nhỏ mục tiêu theo mốc thời gian (*6 tháng, hàng năm*) và có công cụ giám sát tự động đo lường kết quả các bộ, ngành, địa phương, gắn với đánh giá thi đua khen thưởng. Những “điểm nghẽn” hoặc nhiệm vụ chậm cần được cảnh báo sớm và xử lý quyết liệt, quy rõ trách nhiệm từng đơn vị.

Sáu là, Đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân: Niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào các hệ thống số là yếu tố then chốt. Bài học từ giai đoạn 1 là phải đầu tư thỏa đáng cho an ninh mạng, từ hạ tầng (*thiết bị, đường truyền dự phòng*) đến quy trình (*sao lưu dữ liệu định kỳ, diễn tập ứng phó sự cố*) và con người (*đội ngũ chuyên gia an toàn thông tin tại chỗ*). Việc Bộ Công an phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, duy trì đảm bảo an ninh an toàn cho các bộ, ngành, địa phương là thành công đáng ghi nhận – cần phát huy cơ chế phối hợp này thường xuyên. Mặt khác, việc ban hành Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân là chế tài đủ mạnh, tạo môi trường số an toàn. Bảo vệ quyền riêng tư phải được quán triệt trong mọi ứng dụng, dịch vụ triển khai để tránh gây lo ngại cho người dùng.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Dự báo

Trong giai đoạn tới, tiến trình chuyển đổi số quốc gia nói chung và việc triển khai Đề án 06 nói riêng sẽ bước sang thời kỳ phát triển toàn diện hơn, vừa mang tính kế thừa, vừa đòi hỏi sự đổi mới mạnh mẽ cả về cách làm lẫn tư duy chỉ đạo. Đề án 06 phải hướng tới thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, phấn đấu đưa Việt Nam vào nhóm **50 nước dẫn đầu** về Chính phủ điện tử; Kinh tế số đạt tối thiểu **30% GDP**; làm chủ các công nghệ lõi như Bán dẫn, AI, khoa học công nghệ thực sự trở thành động lực tăng trưởng chính; xã hội số văn minh, kiến tạo nền quản trị quốc gia hiện đại, vận hành thông suốt dựa trên dữ liệu số, đảm bảo Việt Nam là điểm đến an toàn, tin cậy về an ninh dữ liệu trên bản đồ thế giới..

Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra cho giai đoạn 2026–2030 là phải chuyển đổi mạnh mẽ từ giai đoạn hình thành nền tảng sang giai đoạn vận hành đồng bộ, khai thác hiệu quả các dữ liệu số để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các cơ sở

dữ liệu quốc gia, trong đó có cơ sở dữ liệu về dân cư, phải trở thành hạ tầng chiến lược, được tích hợp, kết nối, chia sẻ thông suốt với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phục vụ thiết thực cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, cần khẩn trương khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ giữa các hệ thống thông tin, sự chênh lệch trình độ số giữa các vùng, miền, và nguy cơ mất an toàn thông tin trong môi trường mạng.

Nhìn tổng thể, giai đoạn sắp tới sẽ là giai đoạn bản lề quyết định sự thành công của tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Nếu tận dụng tốt thời cơ, khắc phục kịp thời những hạn chế hiện có và huy động sức mạnh của toàn xã hội, Việt Nam có thể vươn lên nhóm các quốc gia dẫn đầu khu vực về phát triển Chính phủ số và kinh tế số vào năm 2030.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Trên cơ sở các kết quả đã đạt được và định hướng chỉ đạo của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, trong thời gian tới, các bộ, ngành, địa phương cần tập trung triển khai 05 nội dung như sau:

Thứ nhất, đối với các nhiệm vụ chậm tiến độ đã được đôn đốc nhiều lần nhưng không có chuyển biến rõ rệt. Các đồng chí Bộ trưởng, Trưởng ngành thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 214/NQ-CP, cam kết lộ trình hoàn thành trong năm 2025 đối với các nhiệm vụ còn chậm muộn, chưa hoàn thành theo đúng tiến độ được giao.

Thứ hai, tiếp tục đầu tư phát triển, mở rộng Trung tâm Dữ liệu quốc gia số 1, nghiên cứu, đề xuất xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 2 và số 3 để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng dữ liệu trong giai đoạn tới. Ngoài ra, để hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực dữ liệu, Bộ Công an phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế đột phá cho hoạt động của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu với các cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp như cung cấp dữ liệu, bố trí địa điểm làm việc, kêu gọi các nguồn vốn đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp khởi nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ về chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế dữ liệu. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu sẽ trở thành là “sân chơi chung” là “bà đỡ” là “vườn ươm” cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dữ liệu.

Thứ ba, phải huy động được nguồn lực toàn dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số quốc gia, mỗi người dân phải trở thành một “chiến sĩ trên mặt trận chuyển đổi số”. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ ngành liên quan xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật về phát triển công dân số, quy định rõ khái niệm, điều kiện, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích cụ thể của công dân số như miễn, giảm các khoản thuế, phí, lệ phí khi thực hiện các dịch vụ công, thủ tục hành chính và các giao dịch khác trên môi trường trực

tuyển (đăng ký, mua bán phương tiện giao thông, tài sản, quyền sử dụng đất, sở hữu nhà...) để tạo động lực thúc đẩy người dân, doanh nghiệp chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Đi liền với đó là các nghĩa vụ của người dân trong số hoá, làm sạch, làm giàu, bảo vệ dữ liệu của chính mình và của quốc gia. Đây là vấn đề chiến lược gắn với phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Để người dân có công cụ tham gia vào quá trình chuyển đổi số nêu trên, trước mắt phải phát triển ngay 02 nền tảng: **Một là**, phát triển, nâng cấp ứng dụng VNeID trở thành Nền tảng số quốc gia với 05 nhóm chức năng chính: ⁽¹⁾ Lưu trữ dữ liệu số của công dân; ⁽²⁾ Định danh xác thực điện tử; ⁽³⁾ Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính; ⁽⁴⁾ Ví điện tử, Kênh thanh toán, chi trả an sinh xã hội ⁽⁵⁾ Và là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước (trước mắt phục vụ hỗ trợ bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp), người dân với doanh nghiệp, và người dân với người dân. **Hai là**, Bộ Công an tham mưu ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật của Chính phủ để triển khai Nền tảng đấu giá tài sản theo hình thức trực tuyến, ứng dụng hiệu quả nền tảng định danh và xác thực điện tử, đảm bảo quy trình đấu giá được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số, tối ưu hóa nghiệp vụ, giảm thủ tục hành chính, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tăng tính công khai, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, để người dân, doanh nghiệp, tổ chức tham gia.

Thứ tư, về giải quyết mối quan hệ của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh hiện có với Hệ thống của các bộ, ngành và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Văn phòng Chính phủ tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị định 118 theo mô hình Kiến trúc mới, hoàn thành trước ngày 10/12/2025, để đảm bảo pháp lý theo lộ trình triển khai Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày 01/01/2026. Đồng thời, cần sớm ban hành hướng dẫn việc tích hợp, kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính, gắn với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia trong tháng 12/2025. Ngoài ra, các bộ ngành phải cập nhật, công bố dữ liệu được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo mức độ hoàn thiện của cơ sở dữ liệu; địa phương triển khai tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh đối với các thủ tục hành chính do địa phương ban hành có thành phần hồ sơ được thay thế bằng thông tin trên các cơ sở dữ liệu, đảm bảo triển khai từ ngày 01/01/2026 khi Nghị quyết số 66.7 /2025/NQ-CP của Chính phủ có hiệu lực.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Bước vào giai đoạn 2026–2030, yêu cầu đặt ra là chuyển mạnh từ “xây nền tảng” sang “khai thác và tạo giá trị từ dữ liệu”, bảo đảm vận hành hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, trước hết là CSDL dân cư; phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu, an toàn thông tin; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quản trị nhà nước; nâng cao chất lượng dịch vụ công; thu hẹp khoảng cách số; và đưa Đề án 06 trở thành

động lực trung tâm của Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Để tiếp tục thúc đẩy triển khai Đề án 06 hiệu quả trong giai đoạn tiếp theo, Tổ Công tác kính đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các đơn vị:

1. Để triển khai thành công các nhiệm vụ của Đề án 06 trong giai đoạn tới, các đồng chí Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố cần phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu; trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao theo *lộ trình Đề án 06, Kế hoạch số 02, Nghị quyết số 57 và Nghị quyết số 214; có văn bản cam kết tiến độ* và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ.

2. Quán triệt thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại Thông báo kết luận số 53-TB-TGV của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST và CDS

(1) Bảo đảm kinh phí từ nguồn ngân sách và đầu tư

- Bộ Khoa học và Công nghệ: (1) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khẩn trương rà soát, xác định rõ tính chất nguồn vốn ngân sách nhà nước (*chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên*) đối với các đề xuất bổ sung dự toán năm 2025 còn lại cho KHCB, ĐMST, CDS và Đề án 06 (*trong tổng nguồn vốn chưa phân bổ hết*). (2) Rà soát, ban hành theo thẩm quyền: (i) Hướng dẫn về các hạng mục chi thuộc lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06 bảo đảm thống nhất, xuyên suốt cho việc đăng ký và phân bổ, quyết toán kinh phí. Bóc tách kinh phí đã bổ sung năm 2025 và dự toán năm 2026 đã đề xuất cho từng Cơ quan Trung ương và địa phương theo từng hạng mục chi để phân bổ, giao dự toán chi tiết cho các đơn vị trực thuộc trước ngày 31/12/2026 theo Luật Ngân sách nhà nước. (ii) Hướng dẫn về tiêu chí và quy trình xác định hợp phần KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06 trong các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư công kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP. Hoàn thành theo lộ trình tại Thông báo số 53-TB/TGV ngày 23/11/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số.

- Bộ Tài chính căn cứ đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ về nhu cầu bổ sung dự toán năm 2025 còn lại (*chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên*), tổng hợp, trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định phương án điều chuyển nguồn kinh phí chi đầu tư (*trong tổng nguồn vốn chưa phân bổ hết*) sang chi thường xuyên để kịp thời đáp ứng nhu cầu cấp thiết của các Cơ quan Trung ương và địa phương. (2) Chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu xác định cách tiếp cận, phạm vi, nguồn thông tin và phương pháp tính tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06 trong GDP để định kỳ tính toán, công bố.

(2) Về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC

- Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ khẩn trương xây dựng biểu mẫu thống kê, rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương ở 03 cấp chính quyền; hướng dẫn chuẩn hóa thành phần hồ sơ điện tử, chuẩn hóa quy trình nội bộ, xác lập mối liên kết giữa thủ tục – kết quả - dữ liệu và các thành phần hồ sơ có thể khai thác, tái sử dụng từ các CSDL quốc gia, chuyên ngành để thay thế giấy tờ khi các CSDL này vận hành, gửi các Bộ, ngành, địa phương để thực hiện.

- Các Bộ, ngành, địa phương: (1) Dựa trên biểu mẫu thống kê và hướng dẫn của Bộ Tư pháp, chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp đồng hành tổ chức thống kê, rà soát toàn bộ TTHC thuộc phạm vi quản lý; chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử và dữ liệu đầu vào bảo đảm cùng 01 TTHC tại cùng 01 cấp (xã/tỉnh) phải thực hiện thống nhất trên toàn quốc. Xác định rõ các trường thông tin, dữ liệu có thể khai thác từ các CSDL quốc gia và chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ giấy; cập nhật và công bố công khai các TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC theo quy định. **(2)** Căn cứ Nghị quyết số 66.7/NĐ-CP ngày 15/11/2025, công bố công khai và áp dụng thống nhất các trường dữ liệu có giá trị pháp lý thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ đối với các TTHC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết, đảm bảo triển khai **từ ngày 01/01/2026** khi Nghị quyết có hiệu lực.

- Bộ Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng khẩn trương ban hành văn bản thống nhất hướng dẫn số hóa theo nhiệm vụ được giao tại Thông báo số 07-TB/CQTTBCĐ ngày 15/10/2025. **(3)** Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai Kiến trúc hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh theo văn bản số 5721/BKHCN-CĐSQG ngày 17/10/2025, đảm bảo thống nhất, thông suốt; nghiên cứu, rà soát các văn bản pháp lý hiện hành, đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp với Kiến trúc nêu trên.

(3) Về dữ liệu

Bộ Công an chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan:

- Căn cứ kết quả rà soát, tổng hợp thành phần hồ sơ TTHC của các Bộ, ngành, thực hiện tổ chức đánh giá các thành phần hồ sơ chưa có khả năng liên kết với các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025; xác định rõ thuộc lĩnh vực dữ liệu của Bộ, ngành nào và làm việc trực tiếp để thống nhất kế hoạch nâng cấp CSDL hiện có hoặc xây dựng mới, đảm bảo khi hoàn thành sẽ thay thế được thành phần hồ sơ giấy tương ứng. Việc đề xuất danh mục CSDL cần nâng cấp hoặc xây dựng mới (ngoài 116 CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025).

- Triển khai giải pháp quản trị dữ liệu theo mô hình đa tầng, đa lớp phục vụ phân tích, tổng hợp và tạo giá trị gia tăng từ dữ liệu; trong đó ưu tiên vận hành thông suốt các dữ liệu nền tảng quốc gia (*dữ liệu dân cư, hộ tịch, doanh nghiệp, đất đai*) để phục vụ các tiện ích xã hội trước, sau đó mở rộng kết nối, tích hợp với CSDL chuyên ngành theo đúng lộ trình.

- Thực hiện điều phối dữ liệu quốc gia, bảo đảm khai thác tối đa các CSDL quốc gia, chuyên ngành phục vụ giải quyết TTHC, chỉ đạo điều hành, phát triển kinh tế - xã hội; trọng tâm là kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung cấp Bộ nhằm bảo đảm dữ liệu được chia sẻ thống nhất, hỗ trợ việc thay thế giấy tờ bằng dữ liệu điện tử theo Nghị quyết 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ và kết quả rà soát, chuẩn hóa tại Thông báo số 53-TB-TGV.

3. Bộ Công an phối hợp Văn phòng Chính phủ và các đơn vị có liên quan bổ sung, hoàn thiện dự thảo Chương trình triển khai Đề án 06 giai đoạn 2026 – 2030, định hướng đến năm 2035, báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 01 năm 2026.

Tổ Công tác kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và xin ý kiến chỉ đạo. *ky*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Đồng chí Tổ trưởng Tổ công tác;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Công an;
- Văn phòng Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCT(C06-TTDLDC).

**KT. TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÓ THƯỜNG TRỰC**



**THỦ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
Thượng tướng Nguyễn Văn Long**



(QRCode đính kèm tài liệu kèm theo)